

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường phát triển như hiện nay, các doanh nghiệp ngày càng ý thức được vai trò của công tác kế toán. Kế toán là bộ phận cấu thành quan trọng của hệ thống quản lý trong doanh nghiệp. Nhiệm vụ của kế toán là cung cấp các thông tin kinh tế một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời cho các nhà quản lý, giúp các nhà quản lý đưa ra các quyết định đúng đắn nhất.

Một trong những thông tin được các nhà quản lý coi trọng hàng đầu đó là thông tin về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Thông qua các số liệu do bộ phận kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm cung cấp, các nhà quản lý biết được chi phí và giá thành thực tế của mỗi loại sản phẩm cũng như kết quả sản xuất kinh doanh. Từ đó có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện định mức, dự toán chi phí, sử dụng lao động, vật tư để đề ra các biện pháp tiết kiệm chi phí và hạ giá thành làm tăng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

Chính vì vậy, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn được coi là công tác quan trọng trong doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác này, cùng với vốn kiến thức đã được học ở trường, những hiểu biết thu thập được trong quá trình thực tập tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ông thép Việt Nam em đã chọn đề tài cho khoá luận tốt nghiệp là : “ Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ông thép Việt Nam”.

Ngoài mở đầu và kết luận, nội dung của khoá luận được trình bày trong 3 chương :

Chương I: Lý luận chung về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm và kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương II : Tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ông thép Việt Nam.

Chương III: Một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ống thép Việt Nam.

Vì thời gian cũng như nhận thức còn hạn chế nên bài khoá luận của em còn nhiều thiếu sót. Em rất mong được sự đóng góp phê bình của thầy cô giáo cũng như các cô chú, anh chị trong phòng kế toán tài chính của công ty để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Sau đây em xin được trình bày nội dung của khoá luận.

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT, GIÁ THÀNH SẢN PHẨM VÀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT, TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1.CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

1.1.1.Chi phí sản xuất

1.1.1.1.Khái niệm và bản chất :

Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các chi phí cần thiết khác mà doanh nghiệp chi ra trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh biểu hiện bằng thước đo tiền tệ, được tính cho một thời kỳ nhất định.

Trên góc độ kế toán tài chính, chi phí được nhìn nhận như những khoản phí tổn đã phát sinh gắn liền với hoạt động của doanh nghiệp bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác. Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền, hàng tồn kho, khấu hao máy móc, thiết bị...được kế toán ghi nhận trên cơ sở chứng từ, tài liệu bằng chứng chứng minh việc phát sinh của chúng.

Như vậy bản chất của chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là:

- Những phí tổn về các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh gắn liền với mục đích kinh doanh.
- Lượng chi phí phụ thuộc vào khối lượng các yếu tố sản xuất đã tiêu hao trong kỳ và giá cả của một đơn vị yếu tố sản xuất đã hao phí.
- Chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp phải được đo lường bằng thước đo tiền tệ và được xác định trong một khoảng thời gian xác định.

1.1.1.2. Phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp có nhiều loại, có nội dung kinh tế, tính công dụng khác nhau. Để đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí cũng như yêu cầu của công tác kế toán, chi phí sản xuất phải được phân loại theo các tiêu thức nhất định.

❖ Phân loại theo yếu tố chi phí:

- Chi phí nguyên vật liệu : Bao gồm nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ

- Chi phí nhân công : Bao gồm toàn bộ tiền lương, phụ cấp và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)

- Chi phí khấu hao tài sản cố định(TSCĐ) : Là toàn bộ số tiền cần phải trích khấu hao TSCĐ trong kì.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài : Là toàn bộ số tiền doanh nghiệp phải trả về dịch vụ mua ngoài , thuê ngoài phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như : tiền điện nước, điện thoại

- Chi phí khác bằng tiền : Là toàn bộ chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố trên dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh trong kì.

Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí cho phép hiểu rõ cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí, là cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, để dự trù hay xây dựng kế hoạch cung ứng vật tư, tiền vốn, sử dụng lao động. Đồng thời cũng là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo yếu tố, phục vụ việc xây dựng chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố” trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

❖ Phân loại theo khoản mục chi phí :

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : Bao gồm toàn bộ các chi phí về NVL chính, vật liệu phụ trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm.

- Chi phí nhân công trực tiếp : Bao gồm toàn bộ các khoản phải trả cho bộ phận công nhân trực tiếp sản xuất như : tiền lương và các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ).

- Chi phí sản xuất chung : Là chi phí dùng vào việc quản lý và phục vụ sản xuất chung tại bộ phận sản xuất, bao gồm : chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí vật liệu, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Việc phân loại chi phí theo mục đích, công dụng có tác dụng phục vụ công tác quản lý chi phí sản xuất theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành theo khoản mục, là căn cứ lập định mức chi phí và kế hoạch giá thành sản phẩm cho kỳ sau.

❖ Phân loại theo phương pháp tập hợp chi phí:

- Chi phí trực tiếp: Là những chi phí liên quan trực tiếp đến đối tượng chịu chi phí (một sản phẩm, một phân xưởng, một giai đoạn công nghệ..).

- Chi phí gián tiếp: Là những chi phí liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí.

Cách phân loại này giúp kế toán xác định phương pháp tập hợp chi phí vào các đối tượng phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

❖ Phân loại theo mối quan hệ của chi phí với khối lượng hoạt động:

- Chi phí biến đổi (biến phí)

- Chi phí cố định (định phí).

- Chi phí hỗn hợp

Việc phân loại này có tác dụng trong khi tính các chỉ tiêu về giá thành trong kết toán quản trị, được sử dụng trong kế hoạch kiểm tra và ra quyết định.

Ngoài ra còn có một số cách phân loại khác:

Theo yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất: Chi phí sản xuất gồm: Chi phí ban đầu và chi phí luân chuyển nội bộ

Theo mối quan hệ của chi phí với khoản mục trên báo cáo tài chính: Chi phí sản xuất gồm: chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ....

1.1.2. Giá thành sản phẩm

1.1.2.1. Khái niệm và bản chất :

Trong quá trình sản xuất, ở một doanh nghiệp phải bỏ ra những chi phí sản xuất, mặt khác lại thu được những sản phẩm, công việc, lao vụ nhất định đã hoàn thành gọi chung là thành phẩm và cần phải tính giá thành.

Vậy giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống cần thiết và lao động vật hoá tính trên một khối lượng sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành nhất định.

Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế quan trọng đối với các doanh nghiệp sản xuất. Giá thành sản xuất sản phẩm cao hay thấp biểu hiện việc sử dụng vật tư, tiền vốn có hợp lý không, tiết kiệm hay lãng phí ở khoản mục nào. Từ đó cung cấp thông tin cho các nhà quản lý, đề ra biện pháp kịp thời nhằm khai thác tối đa những khả năng tiềm tàng hiện có trong việc nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và hạ giá thành sản xuất sản phẩm.

Bản chất của giá thành là sự chuyển dịch các yếu tố chi phí vào những sản phẩm, công việc, lao vụ đã hoàn thành.

1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm:

❖ Phân loại theo thời điểm và cơ sở số liệu tính toán:

- Giá thành kế hoạch : Là giá thành được tính toán, xác định trên cơ sở chi phí, sản lượng kế hoạch và được bộ phận kế toán tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất.

- Giá thành định mức : Là giá thành được tính toán trên cơ sở xác định các định mức, các dự toán chi phí hiện hành. Giá thành định mức chỉ tính cho đơn vị sản phẩm và được tính trước khi quá trình sản xuất bắt đầu. Đây là thước đo xác định kết quả sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn và đánh giá các giải pháp mà doanh nghiệp áp dụng trong quá trình sản xuất.

- Giá thành thực tế : Là giá thành được tính toán trên cơ sở các chi phí sản xuất thực tế phát sinh đã được tập hợp theo mục đích, công dụng của chi phí và địa điểm phát sinh của chúng cho số lượng sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành. Đây là chỉ tiêu kinh tế chất lượng tổng hợp phản ánh sự phấn đấu của doanh nghiệp trong việc tổ chức và thực hiện các giải pháp kinh tế, kỹ thuật, tổ chức

❖ Phân loại theo phạm vi tính toán:

- Giá thành sản xuất : Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất, chế tạo sản phẩm trong phạm vi phân xưởng sản xuất.

- Giá thành toàn bộ : Là chỉ tiêu phản ánh tất cả các khoản chi phí phát sinh liên quan đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm :

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.

Giá thành sản phẩm là biểu hiện của chi phí sản xuất tính cho một khối lượng sản phẩm(công việc, lao vụ) nhất định đã hoàn thành.

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ với nhau vừa là tiền đề vừa là nguyên nhân kết quả của nhau.

Mối quan hệ này thể hiện ở công thức sau :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí SX dở} & & \text{Chi phí sản xuất} & & \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{sản phẩm} & = & \text{đang đầu kỳ} & + & \text{phát sinh trong kỳ} & - & \text{dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

Khi giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ giống nhau hoặc các ngành sản xuất không có sản phẩm dở dang thì lúc đó tổng giá thành sản phẩm và tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ sẽ giống nhau.

+ Về bản chất: chi phí sản xuất kinh doanh là hao phí lao động(lao động sống và lao động vật hoá) chi ra trong một thời kỳ nhất định được biểu hiện bằng tiền. Còn giá thành sản xuất sản phẩm cũng là lượng hao phí lao động kết tinh trong một đơn vị sản phẩm(hay một khối lượng sản phẩm) được biểu hiện bằng tiền.

+Về phạm vi: chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm chi phí sản xuất và cả chi phí quản lí, chi phí tiêu thụ sản phẩm. Còn giá thành sản xuất sản phẩm chỉ bao gồm chi phí sản xuất sản phẩm(chi phí trực tiếp và chi phí chung)

Mặt khác khi nói đến chi phí sản xuất kinh doanh là được giới hạn trong một thời kỳ nhất định không cần biết nó chi phí cho sản xuất sản phẩm gì, đã hoàn thành hay chưa. Còn khi nói đến giá thành sản xuất của sản phẩm lại được giới hạn là chi phí sản xuất của một khối lượng về một loại sản phẩm nhất định đã hoàn thành và tính cho một kỳ nhất định.

+ Về mặt lượng: xem xét trên một góc độ biểu hiện bằng tiền trong một thời kỳ nhất định thì tổng chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ cũng khác với tổng giá thành sản xuất của sản phẩm đã hoàn thành trong cùng thời kỳ đó vì trong tổng giá thành sản xuất của sản phẩm hoàn thành trong kỳ không bao gồm những chi phí không liên quan đến sản xuất sản phẩm (chi phí quản lý doanh nghiệp) hoặc những chi phí sản xuất của sản phẩm làm dở cuối kỳ hay những chi phí đã phát sinh ở kỳ này nhưng còn chờ phân bổ (chi phí trả trước), nhưng lại cộng thêm những chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang đầu kỳ hay những chi phí đã trích trước tính vào giá thành nhưng chưa chi và những chi phí của kỳ trước phân bổ cho kỳ này. Nói cách khác giá thành của sản phẩm không chỉ có một phần chi phí sản xuất trong kỳ mà còn gồm cả một phần chi phí sản xuất của kỳ trước chuyển sang.

Tóm lại, giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối liên quan mật thiết với nhau, chi phí sản xuất phản ánh mặt hao phí sản xuất còn giá thành sản phẩm phản ánh mặt kết quả sản xuất. Chi phí sản xuất trong kỳ chính là một trong những căn cứ để xác định giá thành sản phẩm. Vì vậy, qua phân tích mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm cho thấy một yêu cầu đặt ra cho công tác quản lý đó là việc quản lý chi phí một cách khoa học là tiền đề cho việc quản lý giá thành sản phẩm một cách đúng đắn. Có như vậy mới có thể nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

1.1.4. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm :

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành là một khâu quan trọng trong công tác kế toán, đặc biệt trong điều kiện nền kinh tế thị trường thì việc xác định đúng nội dung, phạm vi chi phí cấu thành giá thành sản phẩm giá trị các yếu tố chi phí đã chuyển dịch vào sản phẩm (công việc, lao vụ) đã hoàn thành có ý nghĩa quan trọng và là một yêu cầu cấp bách. Để đáp ứng những yêu cầu quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, kế toán có nhiệm vụ sau:

- + Căn cứ vào đặc điểm quy trình công nghệ sản xuất, tổ chức sản xuất và sản phẩm của doanh nghiệp mà xác định đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, xác định đối tượng và phương pháp tính giá thành phù hợp.

- + Tổ chức hợp lý và phân bổ từng loại chi phí sản xuất kinh doanh theo đúng đối tượng tập hợp chi phí đã xác định bằng phương pháp thích hợp đối với từng loại chi phí theo khoản mục chi phí và theo yếu tố chi phí quy định.

- + Thường xuyên đối chiếu, kiểm tra và định kỳ phân tích tình hình thực hiện các định mức chi phí đối với chi phí trực tiếp, các dự toán chi phí đối với chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh phục vụ yêu cầu hạch toán kinh tế.

- + Định kỳ báo cáo chi phí sản xuất kinh doanh theo đúng chế độ và thời hạn.

+ Tổ chức kiểm kê, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm, lao vụ, dịch vụ.

1.2.NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Tổ chức kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm một cách khoa học, hợp lý, đúng đắn có ý nghĩa rất to lớn trong công tác quản lý chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm. Việc tổ chức kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chi phí phát sinh ở từng bộ phận, từng đối tượng góp phần tăng cường quản lý tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn một cách tiết kiệm, có hiệu quả. Mặt khác, tạo điều kiện phấn đấu tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Đó là một trong những điều kiện quan trọng tạo cho doanh nghiệp một ưu thế trong cạnh tranh.

Có thể nói kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm là khâu trung tâm của công tác kế toán tại doanh nghiệp sản xuất, chi phối đến chất lượng của các phần hành kế toán khác cũng như chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý kế toán tài chính của doanh nghiệp.

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được áp dụng khác nhau trong mỗi trường hợp sau :

-TH1: Doanh nghiệp áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

-TH2: Doanh nghiệp áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

-TH3: Doanh nghiệp áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

-TH4: Doanh nghiệp áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ và nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Tuy nhiên hiện nay các doanh nghiệp chủ yếu áp dụng kế toán kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương

pháp khấu trừ vì vậy em xin trình bày kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong trường hợp này.

1.2.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất

1.2.1.1. Đối tượng tập hợp chi phí:

Trong quá trình sản xuất, chi phí sản xuất phát sinh ở những địa điểm khác nhau với mục đích tạo ra những sản phẩm, lao vụ khác nhau ở những phạm vi giới hạn nhất định theo quy trình sản xuất của doanh nghiệp.

Để quản lý chi phí sản xuất theo những phạm vi giới hạn đó kế toán cần phải xác định đối tượng tập hợp chi phí. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là phạm vi giới hạn mà chi phí sản xuất cần được tập hợp theo những phạm vi giới hạn đó.

Những căn cứ để xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất: việc xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất phải căn cứ vào:

- Đặc điểm tổ chức sản xuất của doanh nghiệp.
- Quy trình công nghệ kỹ thuật sản xuất sản phẩm.
- Địa điểm phát sinh chi phí và mục đích công dụng của chi phí.
- Yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

Dựa vào những căn cứ trên đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp có thể là: bộ phận, phân xưởng sản xuất, đội sản xuất hoặc từng giai đoạn công nghệ hay toàn bộ quy trình công nghệ, hay từng sản phẩm, đơn đặt hàng, hạng mục công trình.

1.2.1.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:

Ở góc độ chung các chi phí sản xuất thực tế phát sinh được tập hợp vào các đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo một trong hai phương pháp sau :

- + Phương pháp trực tiếp
- + Phương pháp gián tiếp

❖ Phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp :

Áp dụng đối với các chi phí có thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng tập hợp chi phí. Đây là phương pháp tập hợp chi phí chính xác nhất đồng thời lại theo dõi trực tiếp chi phí liên quan tới các đối tượng cần theo dõi. Nó có ý nghĩa rất to lớn đối với kế toán quản trị của doanh nghiệp. Tuy nhiên không phải lúc nào cũng sử dụng được phương pháp này. Trên thực tế có rất nhiều chi phí liên quan đến các đối tượng mà không thể theo dõi riêng được. Tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp trực tiếp tốn rất nhiều thời gian, công sức nhưng chính xác, hiệu quả.

❖ Phương pháp tập hợp chi phí gián tiếp :

Được áp dụng khi một loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí mà không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng. Trường hợp này phải lựa chọn tiêu chuẩn hợp lý để tiến hành phân bổ chi phí cho các đối tượng liên quan theo công thức :

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất}}{\text{Tổng tiêu chuẩn phân bổ}}$$

Phân bổ chi phí sản xuất cho từng đối tượng:

$$\begin{array}{ccccc} \text{CFSX phân bổ} & & \text{Hệ số phân bổ} & & \text{Tiêu chuẩn phân bổ} \\ \text{cho đối tượng i} & = & \text{của đối tượng i} & \times & \text{của đối tượng i} \end{array}$$

Phương pháp này giúp cho kế toán đỡ vất vả hơn, không phải theo dõi chi tiết, cụ thể cho từng đối tượng nhưng lại có tính chính xác không cao.

1.2.1.3. Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (CF NVL TT) :

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm nguyên vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, nhiên liệu... sử dụng trực tiếp cho sản xuất, chế tạo sản phẩm.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tính cho từng sản phẩm sản xuất trong kỳ được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Chi phí NVL} & & \text{Trị giá NVL} & & \text{Trị giá NVL} & & \text{Trị giá} & & \text{Trị giá phế} \\ \text{trực tiếp} & = & \text{còn lại đầu} & + & \text{xuất sử dụng} & - & \text{NVL còn} & - & \text{liệu thu hồi} \\ \text{trong kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{lại cuối kỳ} & & \text{(nếu có)} \end{array}$$

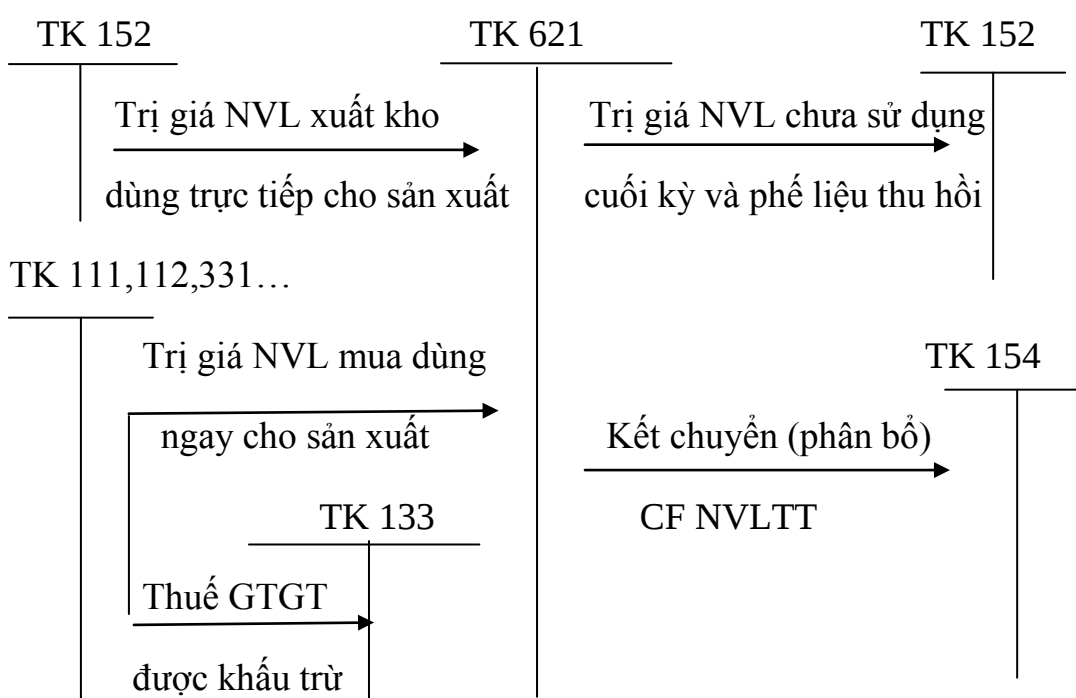
TKKT: sử dụng TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Bên Nợ: trị giá thực tế của NVL xuất dùng trực tiếp cho sản xuất.

Bên Có: trị giá NVL xuất dùng không hết nhập kho, trị giá phế liệu thu hồi và kết chuyển (phân bổ) CFNVLTĐ vào các đối tượng chịu chi phí.

TK 621 không có số dư và tùy theo yêu cầu quản trị của mỗi doanh nghiệp mà được mở chi tiết cho từng đối tượng chịu chi phí.

Sơ đồ 01: Sơ đồ tập hợp và phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.2.1.4. Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp (CF NC TT) :

Chi phí nhân công trực tiếp là toàn bộ chi phí tiền lương và các khoản phải trả khác cho người lao động trực tiếp chế tạo sản phẩm. Gồm: lương chính, lương phụ, phụ cấp, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

Chi phí nhân công trực tiếp thường được tập hợp trực tiếp cho các đối tượng chịu chi phí dựa trên Bảng tính và phân bổ lương. Trường hợp là chi phí gián tiếp thì tiêu chuẩn phân bổ có thể sử dụng là: chi phí tiền lương định mức, giờ công định mức (kế hoạch, thực tế), khối lượng sản phẩm sản xuất ra.

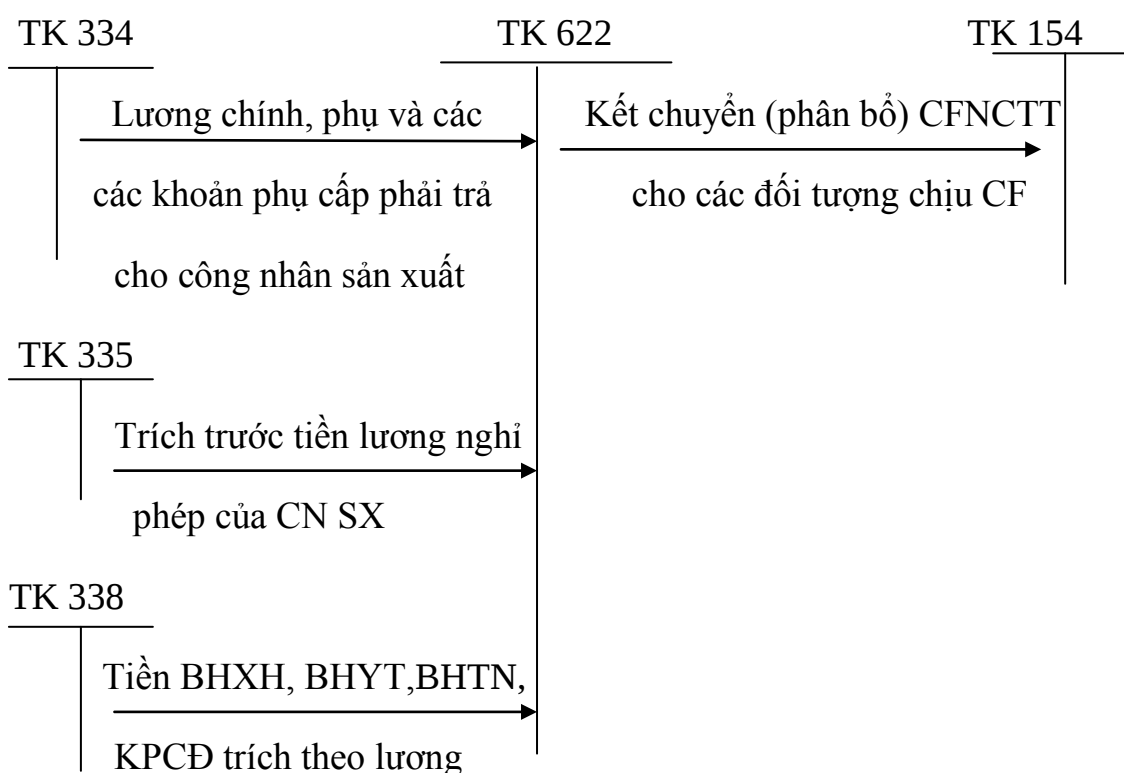
TKKT: sử dụng TK 622 – CFNCTT. Kết cấu của TK như sau:

Bên Nợ: phản ánh chi phí nhân công trực tiếp phát sinh trong kỳ

Bên Có: phản ánh số kết chuyển (phân bổ) chi phí nhân công trực tiếp vào các đối tượng chịu chi phí.

TK 622 không có số dư và tùy theo yêu cầu của mỗi doanh nghiệp sẽ được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí

Sơ đồ 02: Tập hợp và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp



1.2.1.5. Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung:

Chi phí sản xuất chung là những chi phí có liên quan đến tổ chức, quản lý và phục vụ sản xuất trong phạm vi một phân xưởng. Gồm có 6 khoản: Chi phí nhân viên, chi phí vật liệu, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

Chi phí sản xuất chung thường liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí, tiêu chuẩn phân bổ thường sử dụng là: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, phân bổ theo dự toán...

Nếu chi phí sản xuất chung liên quan đến một đối tượng tập hợp chi phí thì sẽ được tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng căn cứ vào các chứng từ gốc: Bảng phân bổ NVL, CCDC, bảng tính và phân bổ khấu hao, bảng tính và phân bổ lương.

Chi phí sản xuất chung bao gồm chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi.

- Chi phí sản xuất chung cố định : Là chi phí gián tiếp trong phân xưởng, thường không thay đổi theo số lượng sản phẩm sản xuất ra. Phần chi phí sản xuất chung cố định được tính vào giá thành theo mức công suất bình thường của máy móc.

- Chi phí sản xuất chung biến đổi : Là những chi phí sản xuất gián tiếp thay đổi theo số lượng sản phẩm sản xuất ra. Khoản chi phí này được phân bổ hết vào giá thành

TKKT sử dụng là TK 627: Chi phí sản xuất chung, TK có 6 TK cấp II tương ứng với từng nội dung của chi phí sản xuất chung.

TK6271: chi phí nhân viên phân xưởng

TK6272: chi phí nguyên vật liệu

TK6273: chi phí dụng cụ đồ dùng

TK6274: chi phí khấu hao

TK6277: chi phí dịch vụ mua ngoài

TK6278: chi phí khác bằng tiền

Kết cấu của TK627 như sau:

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh.

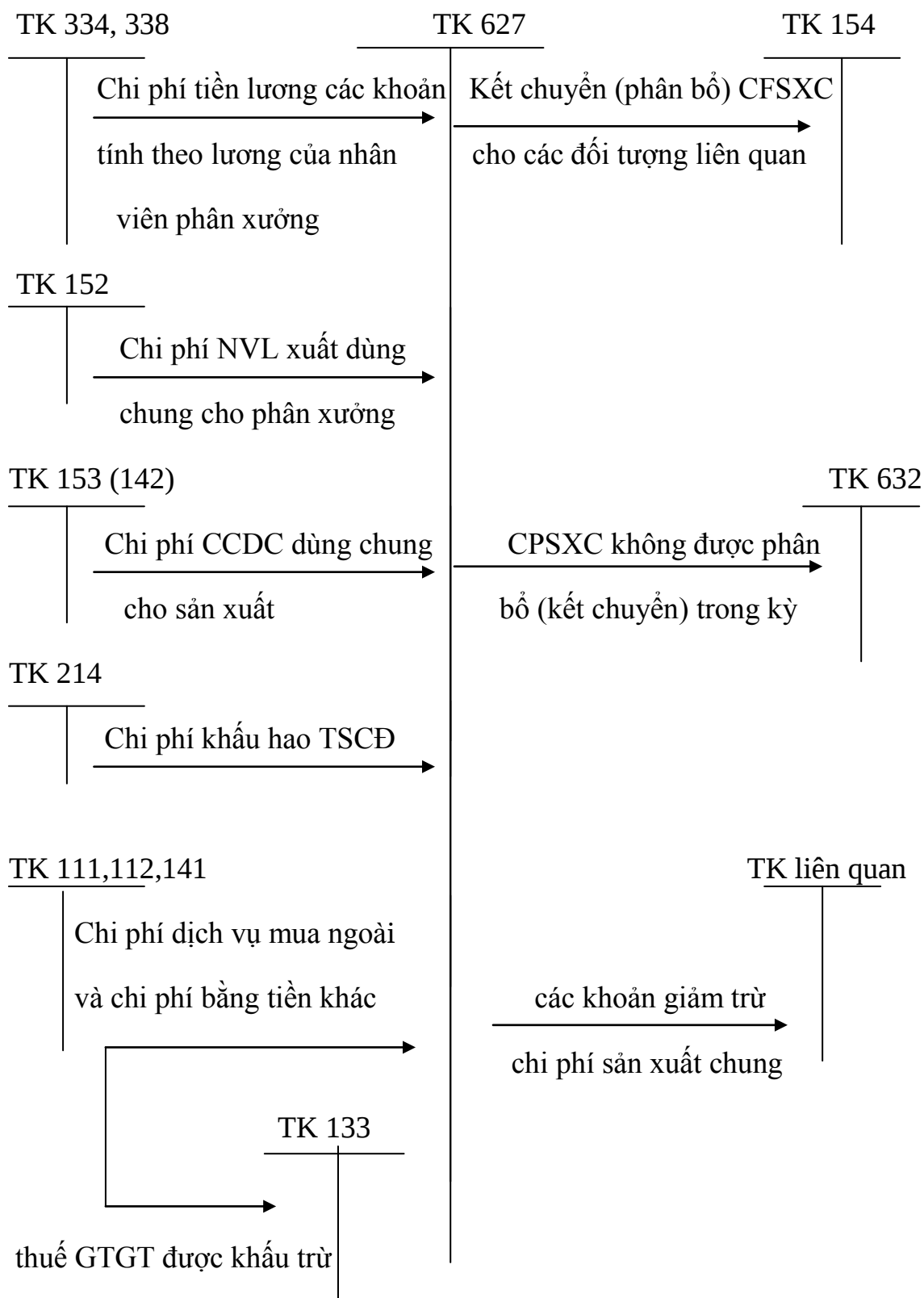
Bên Có: - Các khoản giảm trừ chi phí sản xuất chung nếu có.

- Kết chuyển (phân bổ) chi phí sản xuất chung cho các đối tượng chịu chi phí.

- Chi phí sản xuất chung không được kết chuyển (phân bổ) trong kỳ

TK627 không có số dư và tùy theo yêu cầu quản lý được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí.

Sơ đồ 03: Tập hợp và phân bổ CF sản xuất chung



1.2.1.6. Đánh giá sản phẩm dở dang

Sản phẩm dở dang là những sản phẩm còn đang nằm trên dây chuyền sản xuất hoặc đã hoàn thành một vài công đoạn sản xuất.

Chi phí sản xuất liên quan đến cả sản phẩm hoàn thành và sản phẩm còn đang dở dang, để tính được giá thành cho sản phẩm phải căn cứ vào số chi phí bỏ ra để tạo nên sản phẩm. Nó bao gồm chi phí dở dang đầu kỳ trước chuyển sang và cộng thêm với chi phí sản xuất trong kỳ bỏ vào để sản xuất sản phẩm nhưng phải loại trừ phần chi phí dở dang cuối kỳ. Nếu việc đánh giá chi phí sản xuất dở dang không chính xác có thể làm cho giá thành biến động và bị sai lệch từ đó ảnh hưởng đến công tác quản lý giá thành.

Sau đây là một số phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang được áp dụng:

❖ Đánh giá sản phẩm dở dang theo CF NVLTT (hay CF NVL chính TT) :

Theo phương pháp này, giá trị sản phẩm dở dang chỉ tính phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (hoặc chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp), còn các chi phí khác tính cả cho sản phẩm hoàn thành. Công thức

$$D_{CK} = \frac{D_{ĐK} + C_v}{Q_{HT} + Q_d} \times Q_d$$

Trong đó: $D_{CK}, D_{ĐK}$: Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ, cuối kỳ

C_v : CF NVLTT (CF NVL chính TT) phát sinh trong kỳ

Q_{HT}, Q_d : Khối lượng sản phẩm hoàn thành và sản phẩm dở CK

Phương pháp này đơn giản dễ tính toán nhưng mức độ tin cậy không cao vì không tính đến những chi phí khác. Thích hợp với doanh nghiệp có tỷ trọng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp) lớn ($> 70\%$), sản phẩm dở dang cuối kỳ không nhiều và ổn định, không xác định được mức độ hoàn thành tương đương của sản phẩm làm dở.

❖ Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng hoàn thành tương đương:

Phương pháp này vận dụng phù hợp hầu hết với các loại doanh nghiệp nhưng phải gắn liền với điều kiện có phương pháp khoa học trong việc xác định mức độ hoàn thành của sản phẩm dở dang và mức tiêu hao của từng khoản mục chi phí trong quá trình sản xuất sản phẩm.

Đặc điểm của phương pháp này thể hiện ở các mặt :

- Chi phí sản xuất tính cho sản phẩm dở dang cuối kỳ bao gồm đầy đủ các khoản mục chi phí trong cấu thành của chi phí sản xuất.
- Nếu mức độ tiêu hao của các khoản mục chi phí tương ứng với tỷ lệ hoàn thành của sản phẩm dở dang thì chỉ cần quy đổi số lượng sản phẩm dở dang thành số lượng sản phẩm hoàn thành nói chung để xác định chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

$$\begin{array}{rcccl} & \text{CFSX} & & \text{CFSX phát sinh} & \\ & \text{DDĐK} & + & \text{trong kỳ} & \\ \text{CFSX} & = & \frac{\quad}{\quad} & \times & \text{Số lượng} \\ \text{DDCK} & & \text{Số lượng SP hoàn} & & \text{SPDDCK} \\ & & \text{thành trong k ỳ} & + & \text{quy đổi} \\ & & & & \text{thành SP} \\ & & & & \text{hoàn thành} \\ & & & & \text{hoàn thành} \end{array}$$

Trong đó :

$$\begin{array}{rcccl} \text{Số lượng SP DDCK} & & \text{Số lượng} & & \text{Tỷ lệ hoàn thành} \\ \text{quy đổi thành SP} & = & \text{SP DDCK} & \times & \text{được xác định} \\ \text{hoàn thành} & & & & \end{array}$$

- Nếu vật liệu chính được xuất sử dụng hầu hết ở ngày giai đoạn đầu của quá trình sản xuất thì việc tính chi phí sản xuất cho sản phẩm dở dang được chia thành 3 phần :

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (NVL chính) tính cho đơn vị sản phẩm dở dang và đơn vị sản phẩm hoàn thành như sau :

$$\text{CF NVLTT DDCK} = \frac{\text{CF NVLTT nằm trong SP DDĐK} + \text{CF NVLTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng SPDDCK quy đổi thành SP hoàn thành}} \times \text{Số lượng SPDDCK quy đổi thành SP hoàn thành}$$

+ Chi phí nhân công trực tiếp tính cho đơn vị sản phẩm dở dang :

$$\text{CF NCTT DDCK} = \frac{\text{CF NCTT nằm trong SP DDĐK} + \text{CF NCTT phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng SPDDCK quy đổi thành SP hoàn thành}} \times \text{Số lượng SPDDCK quy đổi thành SP hoàn thành}$$

+ Chi phí sản xuất chung tính cho đơn vị sản phẩm dở dang :

$$\text{CF SXC DDCK} = \frac{\text{CF SXC nằm trong SP DDĐK} + \text{CF SXC phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng SP hoàn thành trong kỳ} + \text{Số lượng SPDDCK quy đổi thành SP hoàn thành}} \times \text{Số lượng SPDDCK quy đổi thành SP hoàn thành}$$

Trong đó :

$$\text{Số lượng SP DDCK quy đổi thành SP hoàn thành} = \text{Số lượng SP DDCK} \times \frac{\text{Tỷ lệ hoàn thành tương ứng từng khoản mục chi phí}}{1}$$

Phương pháp này có độ tin cậy cao hơn so với phương pháp đánh giá sản phẩm dở theo CF NVLTT, tuy nhiên khối lượng tính toán nhiều và việc đánh giá mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở khá phức tạp. Vì vậy, nó thích hợp đối với doanh nghiệp dễ dàng đánh giá mức độ chế biến hoàn thành của sản phẩm dở cuối kỳ.

❖ Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí định mức:

Theo phương pháp này căn cứ vào chi phí định mức đã tính được cho từng loại sản phẩm và khối lượng sản phẩm làm dở để xác định chi phí về sản phẩm làm dở cuối kỳ

$$D_{CKdm} = C_{dm} \times Q_d(Q'_d)$$

Phương pháp này độ chính xác không cao vì chi phí thực tế phát sinh không đúng với chi phí định mức nhưng tính toán đơn giản, nhanh và có lập bảng sẵn cho việc tính toán. Phương pháp này thích hợp với hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo định mức.

1.2.2. Kế toán tính giá thành sản phẩm :

Giá thành là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Nó là thước đo mức chi phí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, là căn cứ để doanh nghiệp xác định hiệu quả sản xuất kinh doanh và ra các quyết định trong sản xuất kinh doanh.

1.2.2.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm :

Xác định đối tượng tính giá thành là xác định đối tượng mà hao phí vật chất được doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất đã kết tinh trong đó nhằm định lượng hao phí cần được bù đắp cũng như tính toán được kết quả kinh doanh. Tùy theo đặc điểm sản xuất sản phẩm mà đối tượng tính giá thành có thể là : chi tiết sản phẩm, bán thành phẩm, sản phẩm hoàn chỉnh, đơn đặt hàng, hạng mục công trình....

Căn cứ để xác định đối tượng tính giá thành :

- Đặc điểm, cơ cấu tổ chức sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm.
- Đặc điểm, tính chất của sản phẩm.
- Yêu cầu, trình độ quản lý, trình độ hạch toán của doanh nghiệp.

Xác định đối tượng tính giá thành đúng đắn, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp là cơ sở để tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, cho phép kiểm tra, đánh giá một cách tổng hợp toàn diện các biện pháp tổ chức và quản lý quy trình sản phẩm.

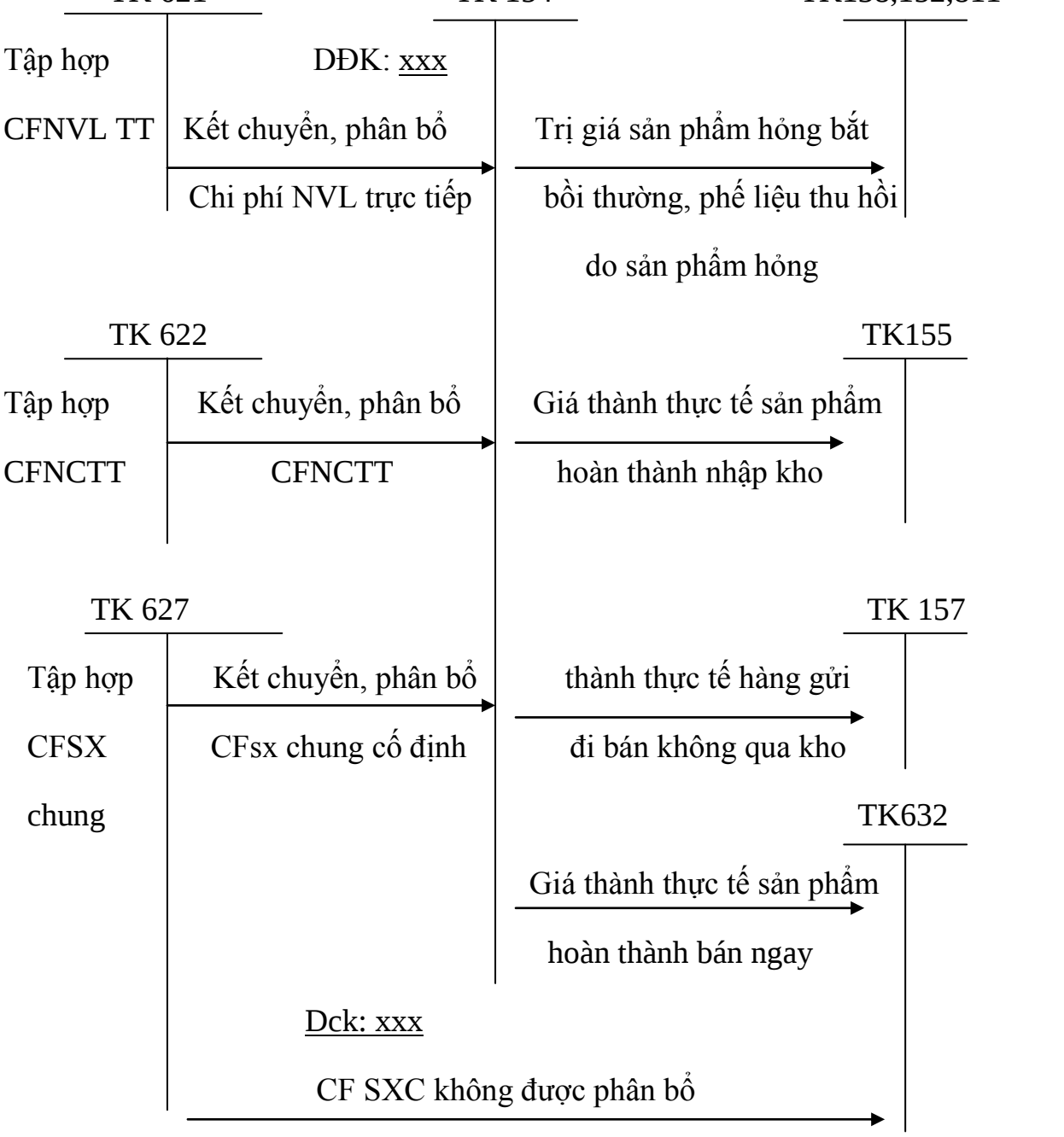
1.2.2.2. Kỳ tính giá thành sản phẩm :

Giá thành sản phẩm không thể tính vào bất kỳ thời điểm nào mà phải dựa vào khả năng xác định về số lượng và chi phí sản xuất có liên quan đến kết quả đó. Kỳ tính giá thành là một thời kỳ mà bộ phận kế toán cần phải tiến hành công việc tính giá thành cho các đối tượng cần tính giá thành. Xuất phát từ đặc điểm đó nên kỳ tính giá thành không thể giống nhau cho các ngành nghề khác nhau.

- Trường hợp doanh nghiệp sản xuất nhiều mặt hàng, kế hoạch sản xuất ổn định, chu kỳ sản xuất ngắn, liên tục có sản phẩm nhập kho thì kế toán áp dụng kỳ tính giá thành là hàng tháng.

- Trường hợp doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng, chu kỳ sản xuất kéo dài kế toán thường áp dụng kỳ tính giá thành vào thời điểm kết thúc sản xuất đối với đơn đặt hàng.

TK 621 TK 154 TK128 152 811



1.2.2.3. Phương pháp tính giá thành :

❖ Tính giá thành theo phương pháp giản đơn:

Áp dụng đối với đơn vị có chu kỳ sản xuất ngắn, quy trình công nghệ sản xuất giản đơn, kết thúc quy trình tạo ra 1 sản phẩm đồng nhất về quy cách, kích cỡ.

Theo phương pháp này, đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ, còn đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành của quy trình công nghệ.

Tổng giá thành và giá thành đơn vị được xác định theo công thức:

$$Z = D_{ĐK} + C - D_{CK}$$

$$z = Z / \text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}$$

Phương pháp này đơn giản, nhanh gọn không đòi hỏi trình độ cao tuy nhiên kết quả kém chính xác so với các phương pháp khác.

❖ Tính giá thành theo hệ số:

Áp dụng đối với đơn vị có cùng quy trình công nghệ sản xuất, sử dụng cùng một loại nguyên vật liệu, kết thúc quá trình sản xuất cho nhiều loại sản phẩm chính khác nhau.

Theo phương pháp này, căn cứ vào các tiêu chuẩn kỹ thuật để xác định cho mỗi loại sản phẩm một hệ số tính giá thành, trong đó chọn một sản phẩm tiêu chuẩn có hệ số bằng 1.

$$\text{Tổng số SP tiêu chuẩn} = \sum \left\{ \begin{array}{l} \text{Số lượng hoàn hành} \\ \text{của từng loại SP} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi} \\ \text{của từng loại SP} \end{array} \right\}$$

$$\text{Z đơn vị SP tiêu chuẩn} = \frac{\text{Tổng giá thành của các loại SP hoàn thành trong kỳ}}{\text{Tổng số SP tiêu chuẩn}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Z đơn vị của} \\ \text{từng loại SP} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Z đơn vị SP} \\ \text{tiêu chuẩn} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi của} \\ \text{từng loại SP} \end{array}$$

Việc tính giá thành theo hệ số phụ thuộc vào việc xác định hệ số, do vậy tiêu chuẩn phân bổ phải được xây dựng chính xác mới tính toán chính xác hệ số. Từ đó ảnh hưởng đến việc phân tích, đánh giá hiệu quả sản xuất của doanh nghiệp.

❖ Tính giá thành theo phương pháp tỷ lệ:

Áp dụng với doanh nghiệp trong cùng một quy trình công nghệ, sử dụng cùng một loại nguyên vật liệu, kết thúc quy trình tạo ra nhiều nhóm sản phẩm cùng loại nhưng kích cỡ, phẩm cấp khác nhau vì vậy không xác định được hệ số quy đổi. Để tính giá thành từng loại sản phẩm kế toán phải dựa vào giá thành định mức hoặc giá thành kế hoạch.

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ phân bổ Z thực} \\ \text{tế cho từng loại SP} \end{array} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của các loại SP chính}}{\text{Tổng giá thành kế hoạch của các loại SP chính}}$$

$$\begin{array}{l} \text{Z thực tế cho} \\ \text{từng loại SP} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Z kế hoạch} \\ \text{của từng loại SP} \end{array} \times \text{Tỷ lệ}$$

Để xác định từng khoản mục của giá thành thực tế thì lấy giá thành thực tế đã được xác định nhân với tỷ lệ của từng khoản mục trong cấu thành của giá thành kế hoạch.

❖ Tính giá thành loại trừ chi phí sản xuất phụ:

Áp dụng đối với trường hợp cùng một quy trình công nghệ, sử dụng cùng một loại nguyên vật liệu, kết thúc quá trình sản xuất tạo ra cả sản phẩm chính và sản phẩm phụ.

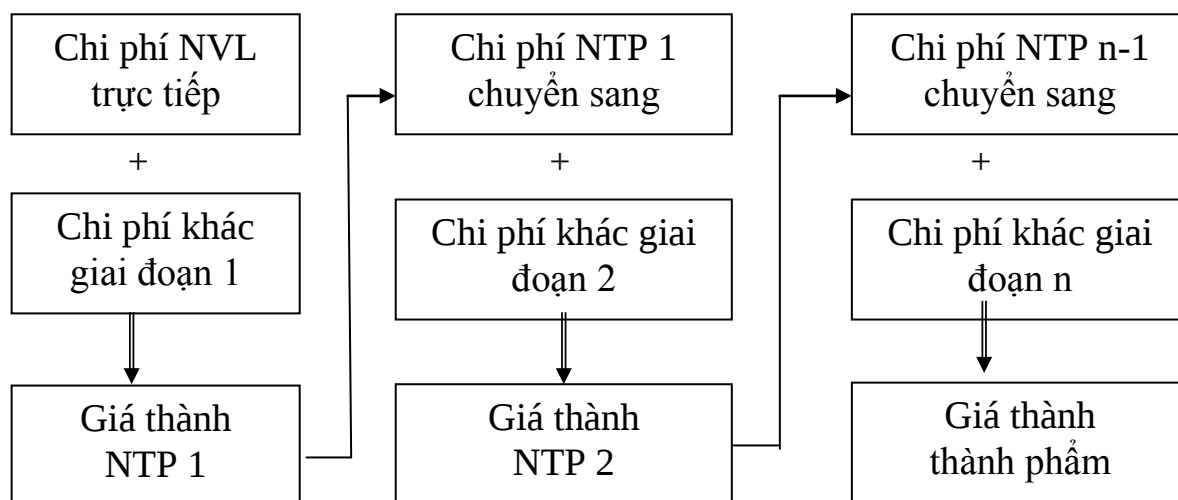
$$\begin{array}{l} \text{Tổng Z SP} \\ \text{chính hoàn} \\ \text{thành trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{CFSX dở} \\ \text{dang đầu} \\ \text{kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{CFSX phát} \\ \text{sinh trong} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CFSX dở} \\ \text{dang cuối} \\ \text{kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{SP phụ} \\ \text{thu hồi} \end{array}$$

Giá trị SP phụ thu hồi được tính theo giá bán có thể thu hồi được và giá trị ước tính có thể thu hồi được.

❖ Tính giá thành phân bước có tính giá thành NTP:

Theo phương pháp này kế toán căn cứ vào chi phí sản xuất đã tập hợp theo từng giai đoạn, lần lượt tính tổng giá thành và giá thành đơn vị nửa thành phẩm của giai đoạn kế tiếp, cứ thế tiếp tục đến khi tính tổng giá thành và giá thành đơn vị ở giai đoạn công nghệ sau cùng.

Sơ đồ kết chuyển chi phí sản xuất của phương pháp tính giá thành phân bước có tính giá thành nửa thành phẩm:



Giai đoạn 1: $Z_1 = D_{ĐK1} + C_1 - D_{CK1}$; $z_1 = Z_1 / Q_{HT1}$

Giai đoạn 2: $Z_2 = D_{ĐK2} + C_2 - D_{CK2}$; $z_2 = Z_2 / Q_{HT2}$

Trong đó C_2 là tổng chi phí sản xuất phát sinh ở giai đoạn 2, bao gồm có 2 bộ phận: Do giai đoạn 1 chuyển sang (bằng cách kết chuyển tuần tự tổng hợp và kết chuyển tuần tự từng khoản mục) và phát sinh tại giai đoạn 2. Vì vậy, sản phẩm dở dang cuối kỳ của giai đoạn 2 phải được đánh giá theo 2 bộ phận chi phí này.

Cứ tuần tự như vậy đến giai đoạn cuối cùng. Giai đoạn n:

$$Z_n = D_{ĐKn} + C_n - D_{Ckn} ; z_n = Z_n / Q_{HTn}$$

Trong đó : Z_i : tổng giá thành sản xuất giai đoạn i

z_i : giá thành đơn vị giai đoạn i

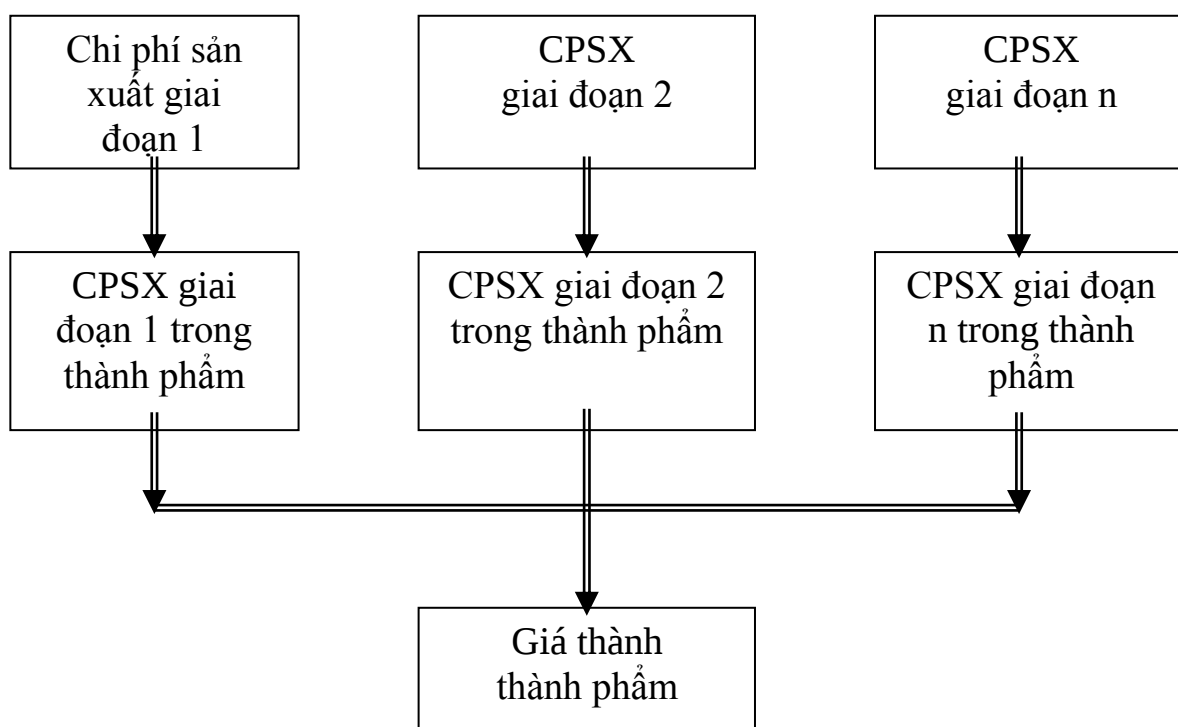
Q_{HTi} : số lượng sản phẩm sản xuất hoàn thành giai đoạn i

n: số giai đoạn công nghệ sản xuất của quy trình ($n > 2$)

❖ Tính giá thành phân bước không tính giá thành NTP:

Theo phương pháp này, căn cứ vào chi phí sản xuất từng giai đoạn công nghệ để tính ra chi phí từng giai đoạn trong giá thành sản phẩm theo từng khoản mục chi phí. Sau đó, tổng hợp chi phí của các giai đoạn sẽ được giá thành của sản phẩm hoàn thành.

Sơ đồ kết chuyển chi phí theo phương pháp phân bước không tính giá thành nửa thành phẩm:



Giá thành thành phẩm: $Z = \sum C_{iTP}$

Chi phí sản xuất từng giai đoạn nằm trong thành phẩm:

$$C_{iTP} = \frac{D_{ĐK} + C_i}{Q_i} \times Q_{iTP}$$

Q_i : số lượng sản phẩm của giai đoạn i

Q_{iTP} : Khối lượng thành phẩm đã quy đổi thành nửa thành phẩm giai đoạn i.

$Q_{iTP} = Q_{TP} \times \text{Hệ số sử dụng NTP của giai đoạn i}$

❖ Tính giá thành theo đơn đặt hàng:

Phương pháp tính giá thành theo công việc được sử dụng trong các doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc theo từng loạt hàng riêng biệt khác nhau về quy cách, nguyên liệu hoặc kỹ thuật, thường tiến hành sản xuất theo đơn đặt hàng, mỗi đơn đặt hàng có thể là một sản phẩm, một loại sản phẩm, từng công trình, hạng mục công trình hoặc từng công việc khác nhau.

Theo phương pháp này đối tượng tập hợp chi phí được xác định là đơn đặt hàng (hoặc theo từng sản phẩm, loại sản phẩm hoàn thành nhất định), còn đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng, sản phẩm hoặc loại sản phẩm hoàn thành.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp thường liên quan tới từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất nên được tập hợp trực tiếp cho từng đơn đặt hàng. Đối với chi phí sản xuất chung liên quan tới nhiều đơn đặt hàng thì chi phí chung sẽ được tập hợp theo phân xưởng, sau đó phân bổ cho từng đơn đặt hàng theo tiêu thức phù hợp

Khi có công việc, đơn đặt hàng bắt đầu đưa vào sản xuất, kế toán mở phiếu chi phí theo công việc hoặc phiếu tính giá thành theo đơn đặt hàng. Hàng tháng căn cứ vào chi phí sản xuất đã tập hợp được để chuyển ghi vào các phiếu này. Khi công việc, đơn đặt hàng hoàn thành, tổng cộng chi phí trên các phiếu tính giá thành

sẽ được tổng giá thành thực tế của từng đơn đặt hàng. Đối với những đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì tổng hợp số liệu trên các phiếu tính giá thành đều là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

1.2.2.4. Hệ thống sổ kế toán sử dụng trong kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm:

Tuỳ theo đặc điểm tổ chức và điều kiện của mỗi doanh nghiệp mà doanh nghiệp lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp, có thể là:

Hình thức sổ nhật ký chung

Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ

Hình thức sổ kế toán nhật ký sổ cái

Hình thức sổ kế toán nhật ký chứng từ

1.3. HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG KẾ TOÁN MÁY :

Để tổ chức tốt kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu quản lý CPSX và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp, kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm ở doanh nghiệp cần thực hiện tốt nhiệm vụ sau:

- Xác định đối tượng kế toán tập hợp CPSX và đối tượng tính giá thành phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp và yêu cầu quản lý, từ đó tổ chức mã hoá, phân loại các đối tượng cho phép nhận diện, tìm kiếm một cách nhanh chóng tránh bị nhầm lẫn giữa các đối tượng được quản lý.

- Tổ chức hệ thống tài khoản phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp. Danh mục các tài khoản được sử dụng cơ sở để mã hoá, cài đặt chương trình phần mềm kế toán.

- Tổ chức tập hợp kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sản xuất theo đúng trình tự đã xác định

- Tổ chức hệ thống sổ, báo cáo kế toán tài chính, hệ thống sổ báo cáo kế toán quản trị và đăng nhập hệ thống này trên phần mềm kế toán.

- Xây dựng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang hợp lý để xác định giá thành và hạch toán giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ một cách đầy đủ hợp lý và chính xác.

Nguyên tắc và các bước tiến hành kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong điều kiện sử dụng phần mềm kế toán:

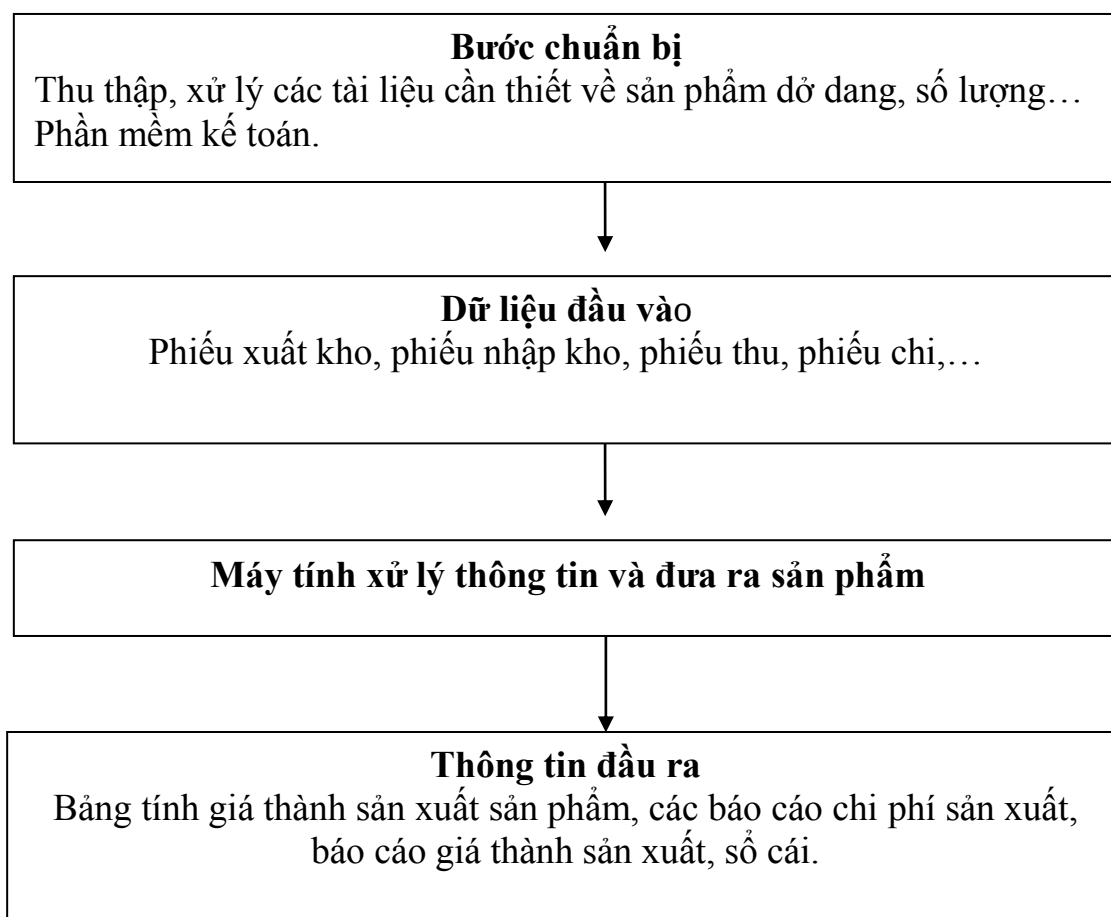
+ Việc tập hợp các chi phí sản xuất hoàn toàn do máy tự nhận dữ liệu từ các bộ phận liên quan và tự máy tính toán, phân bổ chi phí sản xuất trong kỳ. Do đó từng khoản mục chi phí phải được mã hoá ngay từ đầu tương ứng với các đối tượng chịu chi phí.

+ Căn cứ vào kết quả kiểm kê đánh giá sản xuất kinh doanh dở dang trong kỳ theo từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và nhập dữ liệu sản phẩm dở dang cuối kỳ vào máy.

+ Lập thao tác các bút toán điều chỉnh, bút toán khoá sổ, kết chuyển cuối kỳ trên cơ sở hướng dẫn có sẵn.

+ Căn cứ vào yêu cầu của người sử dụng thông tin, tiến hành kiểm tra các báo cáo cần thiết.

Trình tự xử lý có thể khái quát theo sơ đồ sau



CHƯƠNG II

TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN

CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

TẠI CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP VIỆT NAM

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP VIỆT NAM

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Ống thép Việt Nam

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam được hình thành trên cơ sở liên doanh hợp tác giữa tổng công ty thép Việt Nam và tập đoàn sản xuất ống thép hàng đầu của Hàn Quốc là SeAH.

- Tháng 2/1993 : thoả thuận hợp tác và hợp đồng liên doanh giữa hai bên được kí kết .

- Ngày 11/5/1993 : được Bộ Kế hoạch và đầu tư cấp phép đầu tư và quyết định thành lập

- Ngày 1/6/1993 ; bắt đầu khởi công xây dựng nhà máy

- Từ tháng 6/1993 đến tháng 7/1994 : quá trình xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc thiết bị được tiến hành và hoàn tất .

- Ngày 1/8/1994 : nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động

- Ngày 1/10/1994 : lễ khánh thành được tổ chức tại nhà xưởng, sản phẩm của Công ty TNHH Ống thép Việt Nam chính thức được đưa ra ngoài thị trường tiêu thụ với :

➤ Tên gọi : Công ty trách nhiệm hữu hạn Ống thép Việt Nam

➤ Tên giao dịch : Vietnam Steel Pipe Company Limited (VINAPIPE)

➤ Trụ sở : Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

➤ Điện thoại : 0313. 850. 126

➤ Fax : 031. 3534. 508

➤ Mã số thuế : 0200109043

➤ Website : www.vinapipe.com.vn

- Email : Vinapipe.sale@hn.vnn.vn /info@vinapipe.vn
 - Vốn pháp định : 2.396.550 USD
 - Thành phần liên doanh :
 - Việt Nam : 50%
 - Hàn Quốc : 50% trong đó SeAH Steel Corp : 35%, Posco : 15%
 - Tổng vốn đầu tư : 10.598.000 USD
 - Diện tích : 35. 208 m²
 - Mục tiêu : tăng trưởng hàng năm của công ty đạt trên 10%
- *Doanh thu của công ty trong 3 năm :

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Lượng sản xuất (Tấn)	20.865	22.766	24.799
Lượng tiêu thụ (Tấn)	20.424	22.156	24.915
Tổng doanh thu (Đ)	127.086.000.000	227.820.000.000	303.306.000.000
Lợi nhuận (Đ)	8.263.000.000	20.053.000.000	3.161.000.000
Nộp NSNN (Đ)	8.067.000.000	13.967.000.000	1.421.000.000

Qua bảng số liệu ta có thể thấy trong 3 năm 2008, 2009 và 2010 thì cả về sản lượng sản xuất, sản lượng tiêu thụ và tổng doanh thu của VINAPIPE đều tăng đều đặn qua các năm. Tuy nhiên tổng doanh thu của năm 2010 cao gấp 1,33 lần so với năm 2009 nhưng lợi nhuận đạt được lại chỉ bằng 1/6 so với năm 2009. Năm 2009 tuy lạm phát đã xảy ra nhưng các doanh nghiệp trong ngành thép theo như các chuyên gia đã nhận định thì “đã có sự lợi ngược dòng ngoạn mục” trong đó VINAPIPE là một ví dụ đã khẳng định chất lượng và thương hiệu của mình. Đến năm 2010 có sự khác biệt rõ rệt giữa 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm. 6 tháng đầu năm 2010 là mùa cao điểm xây dựng cùng với những đơn hàng đã được ký kết nên lượng ống thép được tiêu thụ rất lớn. Trong khi những chính sách hỗ trợ của chính phủ đối với ngành thép vẫn còn ảnh hưởng tích cực vì vậy lợi nhuận của 6 tháng đầu năm đạt hơn 14 tỷ đồng. Tuy nhiên đến 6 tháng cuối năm các doanh nghiệp không còn được hưởng các gói hỗ trợ của Chính phủ về chính sách tiền tệ

và tài khóa. Bên cạnh đó, sức ép về mặt tỷ giá, lãi suất, sức ép về mặt làm phát lại liên tục gia tăng. Đặc biệt với ngành thép, từ tháng 4 giá thép thế giới và trong nước liên tục đổ dốc đã làm cho lợi nhuận của công ty giảm mạnh. Tổng lợi nhuận của cả năm 2010 chỉ còn là 3,161 t ý.

2.1.2. Đặc điểm sản phẩm và quy trình công nghệ tại Công ty TNHH Ống thép Việt Nam :

2.1.2.1. Đặc điểm sản phẩm :

Cùng với sự phát triển của ngành công nghiệp thép Việt Nam , đáp ứng nhu cầu của thị trường về việc sử dụng ống thép trong công cuộc công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước VINAPIPE bước đầu đã xác định mục đích là sản xuất ống thép trong đó bao gồm ống thép mạ (B-P) và ống thép đen (G-P) với sản lượng dự kiến 30.000 tấn trong 1 năm trong đó : B-P : 15.000 tấn

G-P : 15.000 tấn .

Từ khi đi vào sản xuất (tháng 10/1994) đến nay , VINAPIPE đã đa dạng hoá sản phẩm cung cấp cho thị trường trong và ngoài nước các loại ống thép như : ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép tròn, ống thép vuông, ống thép chữ nhật.....với việc sử dụng máy thủy lực dùng thử áp lực và độ kín khít nước, đảm bảo ống không rò rỉ với áp lực thử 50 bar.

Các sản phẩm của công ty đạt các tiêu chuẩn quốc tế như : tiêu chuẩn Anh quốc BS 1387:1995 với ống tròn đen mạ kẽm , HQKSD 3568:1986 với ống thép hộp cạnh vuông và chữ nhật. Ngoài ra còn có các tiêu chuẩn khác như : ASTM A53 , JIS G3442/3452.....

Một số sản phẩm chính của công ty :

➤ Ống thép mạ kẽm :

Đường kính trung bình đạt từ 1/2" (D15) đến 4" (D10) với các cấp hạng độ dày : vạch xanh BSM phục vụ công tác cung cấp nước, cứu hoả, điều hoà nhiệt độ; không vạch BSA1 phục vụ cấp nước sinh hoạt ; vạch vàng phục vụ cơ khí.....

➤ Ống thép tròn đen , hộp vuông và chữ nhật :

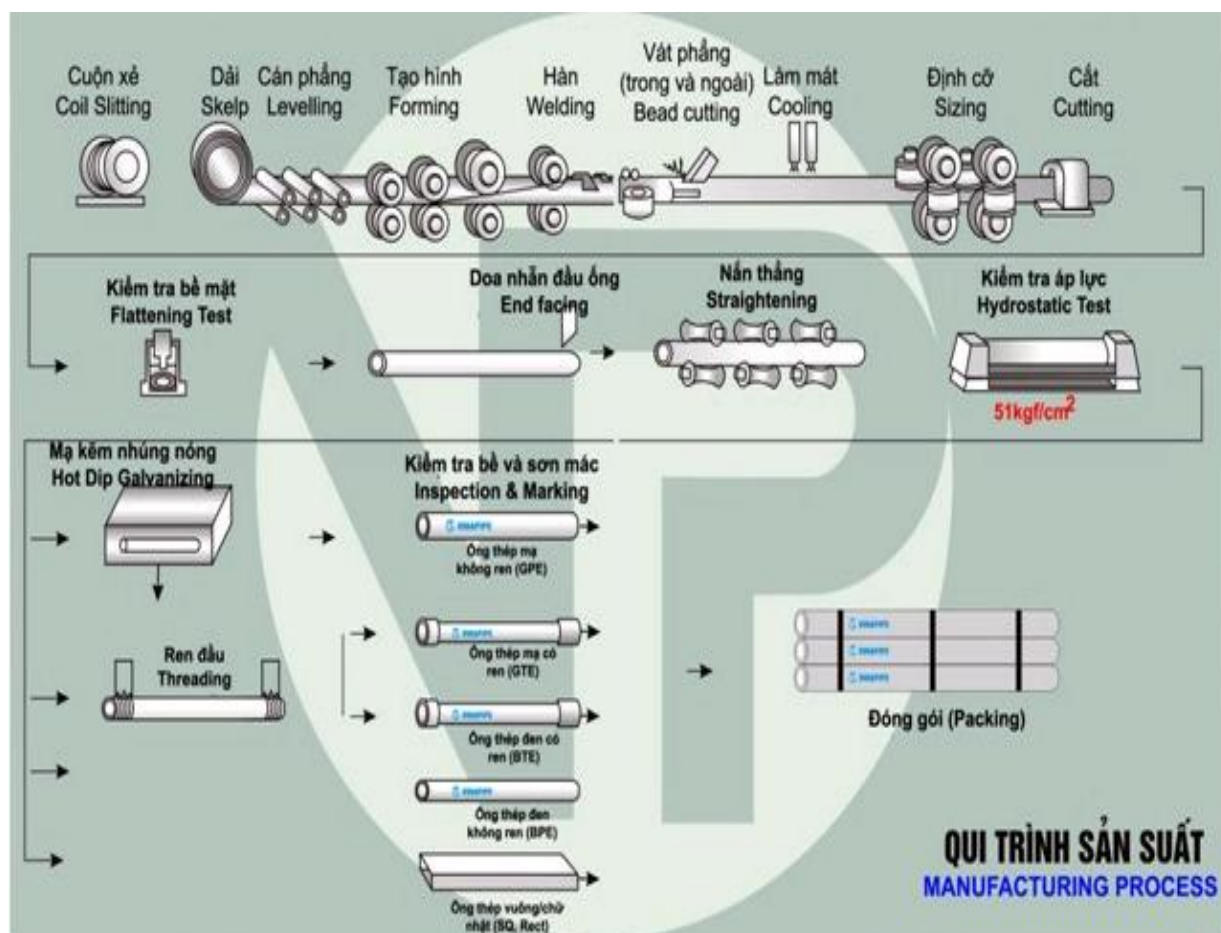
Sử dụng để sản xuất ra các sản phẩm cơ khí chất lượng cao như : khung càn, cổ phốt, tay lái xe mô tô.....đặc biệt được sử dụng trong ngành xây dựng như sản xuất ống siêu âm với ống thép tròn có đường kính từ $\Phi 12,7$ mm đến $\Phi 127$ mm ; ống thép chữ nhật có kích thước từ 14×14 đến 100×100 và từ 20×40 mm đến 75×125 mm , độ dày từ 0,8 mm đến 5 mm.

➤ Ống thép vuông hộp và chữ nhật mạ kẽm nhúng nóng

➤ Ống thép tôn mạ tròn, hộp vuông và chữ nhật

➤ Mạ kẽm các kết cấu thép theo phương pháp mạ nhúng nóng

2.1.2.2. Quy trình công nghệ :



Sơ đồ 2.1 : Quy trình sản xuất sản phẩm

Qua sơ đồ ta có thể thấy quy trình sản xuất sản phẩm ống thép của công ty áp dụng công nghệ sản xuất ống thép của Hàn Quốc trải qua 10 bước cơ bản :

- Cán phẳng : thép cuộn được nhập về sản xuất sản phẩm được đưa vào cán nóng và dải ra để làm phẳng sau đó cắt phôi theo kích thước bề ngang quy định.
- Tạo hình : phôi thép sau khi được cắt đưa vào khuôn tạo hình đồng thời được hàn khít hai mép với nhau thành các ống thép tròn hoặc ống thép vuông, chữ nhật, vát phẳng bề trong, bề ngoài của ống và đưa vào bộ phận làm mát.
- Cắt : ống thép được làm mát được cắt theo kích thước chiều dài và được kiểm tra lại bề mặt của ống.
- Doa đầu ống : các ống thép được doa nhẵn đầu để tạo ren hoặc không tạo ren.
- Nắn thẳng : ống được đưa vào bộ phận nắn thẳng, sai số cong vênh ống chỉ là rất nhỏ.
- Kiểm tra áp lực : ống đưa vào kiểm tra áp lực, xác định độ kín khít nước, đảm bảo ống không rò rỉ với máy thủy lực 50 bar. Từ đây có thể cho ra ống đen thành phẩm hoặc đưa vào bước sản xuất tiếp theo.
- Mạ kẽm : ống đen bán thành phẩm đưa vào mạ kẽm theo phương pháp nhúng nóng tạo thành ống thép mạ.
- Tạo ren : ống thép mạ và ống đen được đưa vào máy tạo ren ở hai đầu ống.
- Sơn mắc : các ống thép được kiểm tra lại các bề mặt theo tiêu chuẩn và sơn nhãn mắc của công ty lên thành ống.
- Đóng gói : các thành phẩm được đi đóng gói, đưa ra thị trường hoặc cung cấp theo các đơn đặt hàng.

2.1.2.3. Thị trường tiêu thụ :

Là một trong những công ty sản xuất ống thép hàng đầu và được thành lập sớm nhất tại Việt Nam với những chiến lược quảng cáo, tiếp thị và chăm sóc khách hàng hợp lí Công ty TNHH Ống thép Việt Nam đã có được thị trường tiêu thụ rộng khắp trên cả nước đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng ống thép của người sử dụng.

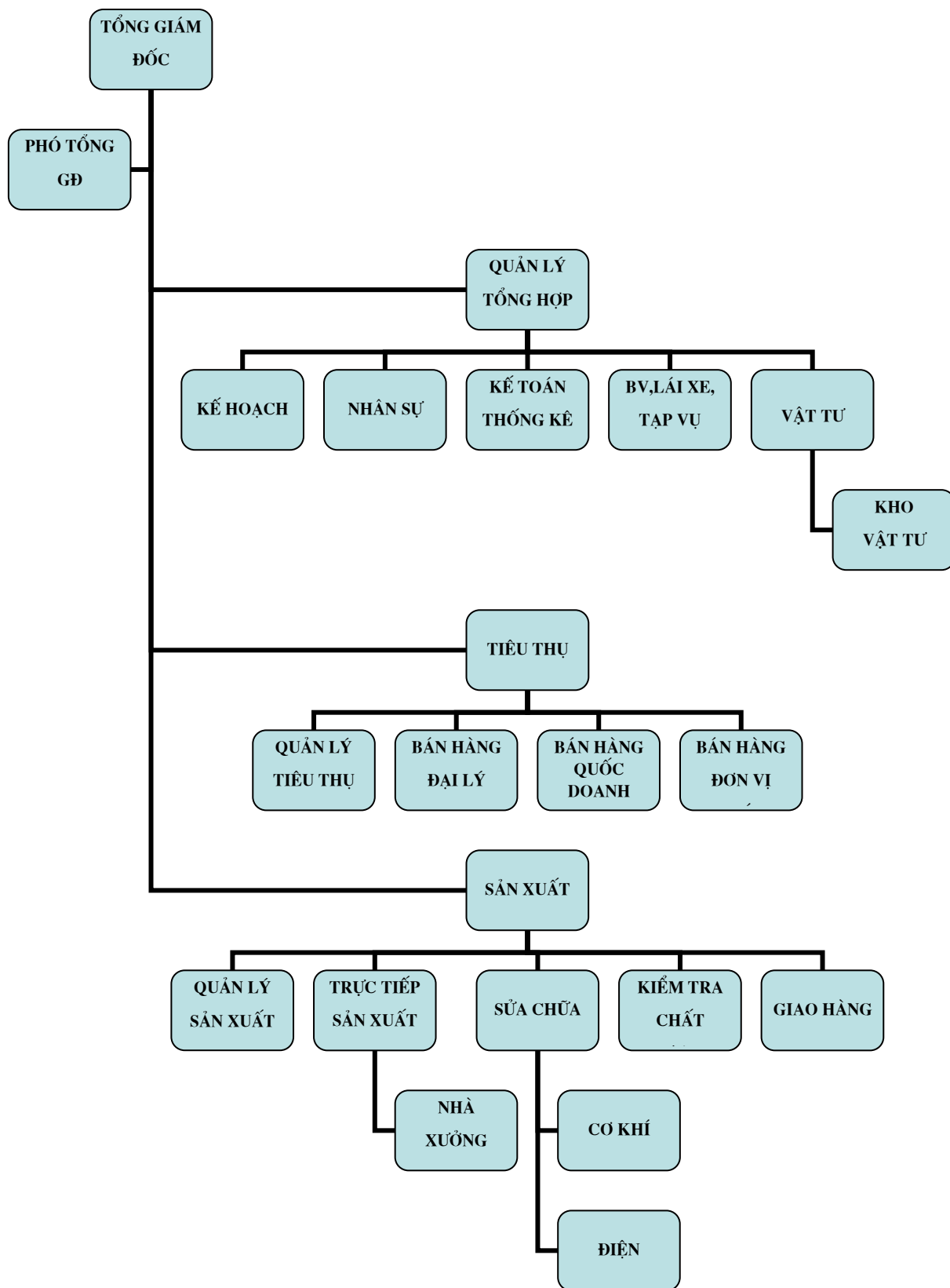
Xét về thị trường trong cơ cấu ngành thì trong những năm đầu sản xuất sản phẩm ống thép đặc biệt là ống thép tròn của công ty chủ yếu phục vụ cho ngành

cấp thoát nước nên doanh thu của ống tròn chiếm tỉ trọng lớn trong tổng doanh thu của công ty và VINAPIPE cũng là nhà cung cấp ống chủ yếu cho ngành nước. Tuy nhiên trong những năm gần đây các sản phẩm ống nhựa ra đời và ngày càng được ưa chuộng để phục vụ cho việc cung cấp nước nên doanh thu của ống tròn bị giảm sút. Nhưng bằng kinh nghiệm sản xuất, quản lí, chất lượng của sản phẩm và sự nhạy bén công ty đã tiến hành đa dạng hoá, đổi mới dây truyền công nghệ để đưa sản phẩm ống hộp ra thị trường. Vì vậy hiện nay bên cạnh việc vẫn là nhà cung cấp ống tròn có uy tín, thương hiệu thì VINAPIPE cũng là nhà cung cấp ống hộp quan trọng trong ngành xây dựng, ngành cơ khí. Cùng với tốc độ phát triển của ngành xây dựng ngày càng tăng thì nhu cầu và tỉ trọng về sản phẩm của công ty cũng không ngừng tăng cao.

Xét về thị trường trong cơ cấu vùng miền thì sản phẩm của VINAPIPE có mặt tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước nhưng Hải Phòng vẫn là thị trường chiếm tỉ trọng lớn về tiêu thụ tổng sản phẩm và trong chiến lược phát triển của công ty. Ngoài ra tại miền Bắc còn có một số thị trường lớn khác như: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương.....Đặc biệt công ty đang tập trung mở rộng và phát triển thị trường tại khu vực miền Nam trong đó chủ yếu là thành phố Hồ Chí Minh – thị trường hứa hẹn rất nhiều tiềm năng.

Với chất lượng sản phẩm đạt chứng chỉ ISO 9001 : 2008 và nhiều tiêu chuẩn khác của trong và ngoài nước như tiêu chuẩn của Anh Quốc, Hàn quốc.....đặc biệt đã được người tiêu dùng khẳng định qua nhiều năm sử dụng cùng với sự đóng góp của công ty vào sự nghiệp công nghiệp hóa-hiện đại hoá đất nước thì năm 2004 công ty đã vinh hạnh được đón nhận Huân chương lao động hạng ba và năm 2008 VINAPIPE đã đạt được giải thưởng Sao vàng đất Việt cùng với nhiều giải thưởng quan trọng khác .

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Ống thép Việt Nam :



Sơ đồ 2.2 : Bộ máy quản lý

Bộ máy của công ty được tổ chức theo mô hình Trục tuyến - chức năng. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý gồm 2 cấp :

Cấp 1 : Tổng giám đốc và phó tổng giám đốc.

Cấp 2 : Các phòng ban, phân xưởng .

Với tổ chức bộ máy quản lý như trên mỗi một cấp, một bộ phận đều có một chức năng và quyền hạn nhất định. Các bộ phận này có vai trò quan trọng trong việc điều hành, quản lý và giúp cho công ty vận hành ăn khớp.

➤ **Tổng giám đốc** : là người chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu và định hướng công ty đã đề ra.

➤ **Phó tổng giám đốc** : là người tham mưu, giúp đỡ tổng giám đốc điều hành quản lý công ty đồng thời chịu trách nhiệm trước tổng giám đốc về phần công việc được giao.

➤ **Kế hoạch** : chịu trách nhiệm lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kết quả, thống kê và quản lý hoạt động kinh doanh cũng như quản lý thông tin thị trường và tổ chức những cuộc họp quan trọng.

➤ **Tổ chức nhân sự** : tuyển dụng, sa thải, tăng thưởng, thay đổi vị trí công tác, lương, thưởng, phạt, trợ cấp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và các hoạt động khác của hệ thống nhân sự trong công ty; an toàn lao động và vệ sinh môi trường; theo dõi, quản lý chung tài sản của công ty.

➤ **Kế toán** : quản lý thu, chi tiền mặt, sử dụng vốn vay, các nghiệp vụ ngân hàng, ghi chép sổ sách kế toán, thanh, quyết toán, lập các báo cáo tài chính, kê khai thuế.

➤ **Vật tư** : chịu trách nhiệm thu mua, thực hiện các hoạt động cung cấp vật tư, theo dõi vật tư nhập và xuất, quản lý vật tư, mua lẻ, khai thác nguồn hàng, đáp ứng nhu cầu vật tư, vận chuyển và quản lý kho.

➤ **Bộ phận khác** : bảo vệ, tạp vụ, lái xe.

➤ **Quản lý tiêu thụ** : lập kế hoạch tiêu thụ, kết quả tiêu thụ, thống kê tình hình tiêu thụ sản phẩm, theo dõi và quản lý hàng bán trả chậm, thu thập thông tin, nhu cầu về nguyên vật liệu chính, yêu cầu về sản xuất và giao hàng.....

➤ **Bán hàng đại lý** : chịu trách nhiệm bán hàng cho các đại lý của công ty, quản lý đại lý, dịch vụ bán hàng, giải quyết các yêu cầu của khách hàng, thu nạp thông tin.....

➤ **Bán hàng cho doanh nghiệp nhà nước** : bán hàng cho các doanh nghiệp nhà nước, quản lý khách hàng, dịch vụ bán hàng, giải quyết yêu cầu....

➤ **Bán hàng cho đơn vị sử dụng** : bán hàng cho các đơn vị khác, quản lý, thực hiện các dịch vụ bán hàng, giải quyết yêu cầu của khách hàng.....

➤ **Quản lý sản xuất** : lập kế hoạch sản xuất, kết quả, thống kê tình hình sản xuất, lệnh điều hành sản xuất.

➤ **Sản xuất** : điều hành qui trình sản xuất, điều chỉnh tiến trình sản xuất, trực tiếp sản xuất, cải tiến quy trình sản xuất, quản lý vật tư, hàng hoá trong từng công đoạn.

➤ **Kiểm định chất lượng** : kiểm tra sản phẩm, giám sát chất lượng, đảm bảo chất lượng, điều tra, nghiên cứu các yêu cầu về chất lượng, tổ chức thảo luận, quản lý, xem xét kiến nghị.

➤ **Sửa chữa** : quản lý máy móc, thiết bị, bảo dưỡng, sửa chữa.

➤ **Giao hàng** : giao hàng, quản lý hàng tồn kho, bốc xếp, quản lý xe nâng.

2.1.4.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH Ông thép Việt Nam :

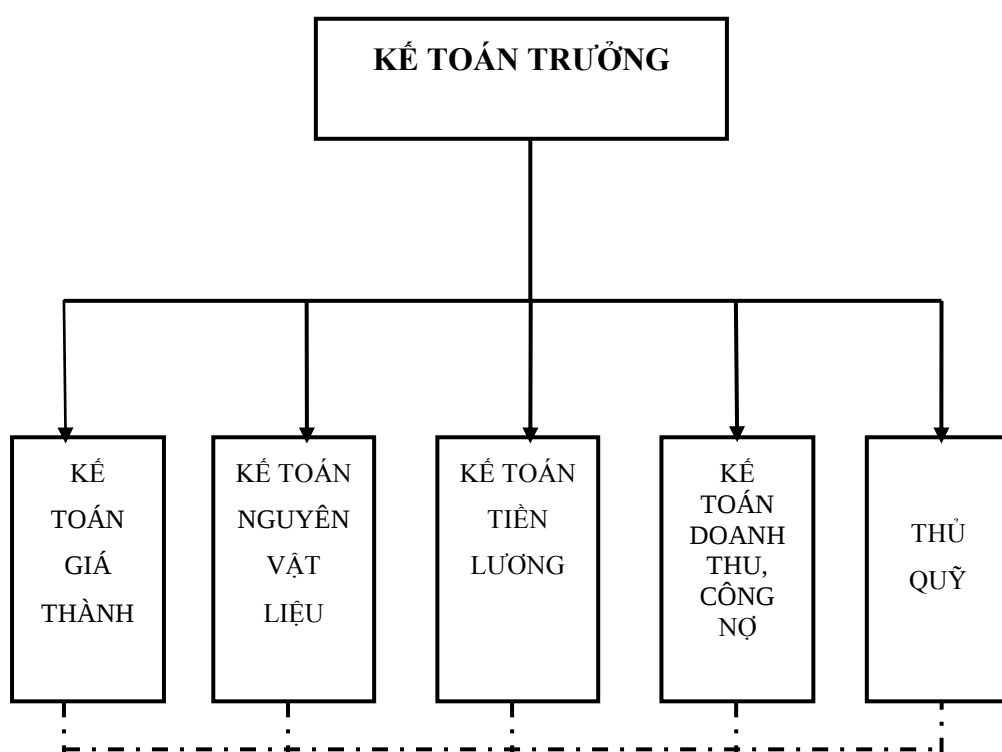
2.1.4.1.Chức năng nhiệm vụ của phòng kế toán :

Theo dõi các hoạt động tài chính của doanh nghiệp, tập hợp phản ánh các khoản thu chi trong công ty, kiểm tra chứng từ xuất nhập. Báo cáo giám đốc kịp thời các biến động của tài sản, quản lý việc tính toán và kiểm tra chỉ tiêu các quỹ tiền mặt, tiền lương, tiền thưởng và các khoản phụ cấp cho cán bộ công nhân viên bằng tiền mặt đặc biệt là các tài sản thông qua giá trị bằng tiền. Đôn đốc thu các khoản nợ, theo dõi các việc dùng tài sản cố định, tài sản lưu động, vốn lưu động, tính khấu hao tài sản cố định theo thời gian quy định. Định kỳ tiến hành phân tích các hoạt động kinh tế của đơn vị, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, lập báo cáo tài chính.

2.1.4.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán :

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo loại hình tập trung nghĩa là phòng tài vụ của công ty cũng là phòng kế toán thực hiện toàn bộ công tác kế toán tài chính của công ty từ xử lý chứng từ, ghi sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết đến việc lập báo cáo tài chính. Đồng thời hướng dẫn kiểm tra bộ phận thống kê trong công ty thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ kinh tế tài chính do Nhà nước quy định.

Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hoá cán bộ kế toán đồng thời phát huy được trình độ của mỗi nhân viên.



Sơ đồ 2.3 : Cơ cấu tổ chức phòng kế toán

————— : Trực tiếp lãnh đạo

- - - - - : Liên đới trách nhiệm

➤ **Kế toán trưởng** : có trách nhiệm tổ chức, điều hành toàn bộ hệ thống kế toán, chỉ đạo trực tiếp toàn bộ nhân viên kế toán trong công ty, làm tham mưu cho tổng giám đốc về các hoạt động kinh doanh, tổ chức kiểm tra kế toán nội bộ trong công ty. Khi các báo cáo tài chính được lập xong kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh, phân tích và giải thích kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi số liệu ghi trong các báo cáo.

➤ **Kế toán giá thành**: có nhiệm vụ tổng hợp các số liệu phát sinh về chi phí sản xuất từ đó tính giá cho từng mã sản phẩm. Đồng thời quản lý TSCĐ và công cụ dụng cụ về việc mua sắm trang thiết bị, bảo quản, sử dụng, tăng, giảm tài sản cố định, tính và phân bổ khấu hao vào các đối tượng chịu chi phí, ghi chép và phản ánh đúng các số liệu về việc thu mua, nhập, xuất, tồn của các loại công cụ dụng cụ, phụ tùng...

➤ **Kế toán nguyên vật liệu**: theo dõi tình hình nhập, xuất nguyên liệu, phụ liệu.

➤ **Kế toán tiền lương** : hạch toán tiền lương, thưởng, phạt, phụ cấp..... và các khoản trích theo lương của các cán bộ công nhân viên trong công ty .

➤ **Kế toán doanh thu và công nợ** : xác định doanh thu tiêu thụ sản phẩm của công ty trong và ngoài nước, các khoản phải thu, phải trả thực hiện theo cam kết.

➤ **Thủ quỹ** : làm nhiệm vụ bảo vệ, bảo quản, trông nom quỹ và thường xuyên kiểm tra quỹ.

2.1.4.3. Đặc điểm chế độ kế toán áp dụng :

Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12, cuối mỗi quý kế toán tổng hợp tiến hành khoá sổ kế toán.

Báo cáo kế toán được trình bày bằng VNĐ theo nguyên tắc giá gốc

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: đánh giá hàng tồn kho theo phương pháp giá gốc.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

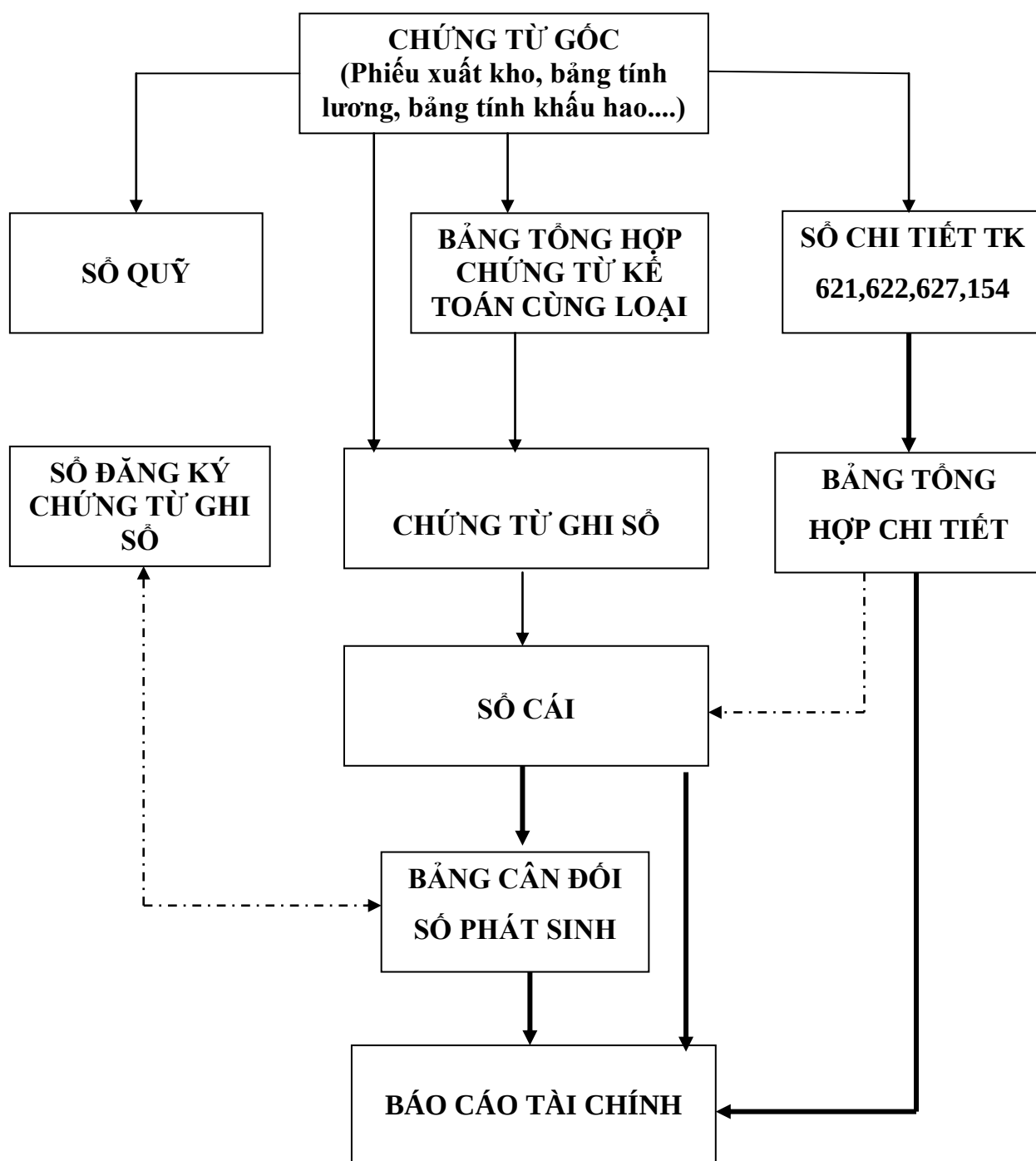
Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.

Phương pháp tính khấu hao TSCĐ: Theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính theo thông tư 203/2009/TT - BTC

Hình thức sổ kế toán : Chứng từ ghi sổ

Để thuận tiện cho việc ghi sổ kế toán và giảm bớt gánh nặng công việc cho các kế toán viên tại phòng kế toán công ty đã áp dụng phần mềm kế toán EFFECT SMALL trong công tác ghi sổ và lập chứng từ. Phần mềm được thiết kế theo nguyên tắc của hình thức kế toán trên máy vi tính dựa trên mẫu sổ của hình thức chứng từ ghi sổ.

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ chi phí sản xuất- giá thành theo hình thức kế toán máy dựa trên mẫu sổ của hình thức chứng từ ghi sổ



Chú thích :

- > : Ghi hàng ngày
- > : Ghi định kỳ
- <- - - - -> : Kiểm tra đối chiếu

2.2.TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ÓNG THÉP VIỆT NAM

2.2.1.Kế toán tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm tại Công ty TNHH Ống thép Việt Nam

2.2.1.1. Đặc điểm chi phí sản xuất:

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam là đơn vị sản xuất có dây chuyền công nghệ liên tục, khép kín, tổ chức theo phân xưởng, mỗi phân xưởng có chức năng nhiệm vụ riêng. Khối lượng sản phẩm mà công ty sản xuất ra rất lớn nhưng lại được phân chia thành các sản phẩm nhất định. Do đó chi phí sản xuất phát sinh được tính cho từng đơn vị sản phẩm sản xuất trong kỳ, mỗi sản phẩm sản xuất ra đều có định mức tiêu hao nguyên vật liệu riêng. Căn cứ vào định mức đó kế toán có thể biết được kế hoạch sản xuất, máy móc thiết bị hiện có của công ty có đảm bảo sản xuất được liên tục hay không.

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam đã xây dựng dự toán về chi phí cho từng sản phẩm sản xuất như đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, công ty TNHH Ống thép Việt Nam thực hiện tính định mức chi phí sản xuất của nguyên vật liệu chính đưa vào sản xuất. Chi phí nhân công trực tiếp sản xuất được tính theo số lượng sản phẩm hoàn thành.

Về hình thức quản lý chi phí, chi phí sản xuất của công ty được quản lý bằng từng kế hoạch của giai đoạn cụ thể. Căn cứ vào kế hoạch cụ thể của từng giai đoạn nhà quản lý có thể thấy được số lượng sản phẩm hoàn thành đã phù hợp với kế hoạch hay chưa. Từ đó tìm ra biện pháp khắc phục những vấn đề còn hạn chế nhằm đạt mục tiêu đề ra.

2.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất :

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam có quy trình công nghệ sản xuất phức tạp chế biến liên tục gồm nhiều giai đoạn công nghệ cấu thành, tương ứng với từng giai đoạn công nghệ được tổ chức thành các phân xưởng sản xuất: phân xưởng ông đen hàn, phân xưởng ông mạ. Kết quả sản xuất của giai đoạn một giai đoạn vừa là bán thành phẩm cho giai đoạn sau, đồng thời cũng có thể bán ra thị

trường. Để tập hợp được chi phí sản xuất - mỗi giai đoạn công nghệ (phân xưởng sản xuất) mở một chi tiết TK 154 để tập hợp chi phí sản xuất của từng giai đoạn công nghệ. Các khoản chi phí sản xuất: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung phát sinh ở phân xưởng nào thì được tập hợp trực tiếp cho phân xưởng đó. Trong đó, chi phí sản xuất chung vẫn phải thực hiện phân bổ vào chi phí chế biến sản phẩm phù hợp với mức công suất thực tế, phần chi phí sản xuất chung không được phân bổ thì sẽ được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Để phục vụ cho công tác tập hợp chi phí sản xuất công ty đã phân loại và tổ chức tập hợp chi phí sản xuất theo hai tiêu thức sau:

❖ *Phân loại chi phí theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí.*

- + Chi phí nguyên nhiên vật liệu
- + Chi phí về tiền lương và các khoản phụ cấp: Bao gồm toàn bộ số lương phải trả cho công nhân tại các phân xưởng, lương trả cho bộ phận quản lý tại các phân xưởng và các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo chế độ.
- + Chi phí khấu hao TSCĐ: Bao gồm toàn bộ tiền khấu hao của các tài sản cố định sử dụng vào mục đích sản xuất và các loại sản phẩm khác của công ty trong tháng.
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài: Bao gồm toàn bộ số tiền công ty phải trả cho các nhà cung cấp điện, nước, điện thoại sau khi đã trừ đi phần phân bổ cho các bộ phận khác ngoài sản xuất trong công ty.
- + Chi phí khác bằng tiền: Bao gồm toàn bộ các khoản chi phí khác bằng tiền mà công ty phải chi ra cho hoạt động sản xuất trong tháng.

❖ *Phân loại theo mục đích, công dụng của chi phí sản xuất gồm ba loại:*

- + Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:
 - NVL chính : Thép cuộn, thép dải băng và kẽm thỏi
 - NVL phụ : Hoá chất
 - Năng lượng : Điện
 - Nhiên liệu : Dầu DO, dầu FO

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm lương chính, lương phụ, tiền thưởng, BHXH, BHYT, BHTN phát sinh trong kỳ của công nhân sản xuất.

+ Chi phí sản xuất chung: Gồm các chi phí phát sinh phục vụ chung cho quá trình sản xuất tại các phân xưởng như là: tiền điện, điện thoại.....; lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý phân xưởng.

Phân loại chi phí theo tiêu thức này có tác dụng cung cấp số liệu cho công tác tính giá thành, làm căn cứ để mã hoá các tài khoản chi phí.

2.2.1.3. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH Ống thép Việt Nam :

Do công việc sản xuất của công ty được tiến hành tại ba phân xưởng với quy trình công nghệ khép kín nên đối tượng tập hợp chi phí là các loại sản phẩm sản xuất tại từng phân xưởng sau đó tiến hành phân bổ chi phí sản xuất cho từng loại sản phẩm theo số lượng sản phẩm hoàn thành.

Để làm rõ quy trình hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty em xin lấy ví dụ về công tác chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ống thép đen của công ty vào tháng 12/2010.

2.2.1.4. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất :

Quy trình hạch toán được mở chi tiết theo từng phân xưởng. Đối với các tài khoản tập hợp chi phí sản xuất và tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 621, TK 622, TK 627, TK 154) đều được mở các tài khoản để theo dõi việc tập hợp chi phí theo các phân xưởng sản xuất và theo nhóm sản phẩm.

Để phục vụ việc quản lý danh mục tài khoản chi phí được mở rất chi tiết và dễ thuận tiện cho việc theo dõi thì các chi tiết (phần đuôi) của các tài khoản chi phí chính được mã hoá giống nhau. Cụ thể các khoản mục chi phí như sau:

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

TK 6211: chi phí NVL trực tiếp – sx ống đen

TK 6212: chi phí NVL trực tiếp – sx ống mạ

Trong tài khoản cấp 2 trên còn bao gồm nhiều tài khoản cấp 3 để xác định chi tiết từng chủng loại nguyên liệu phục vụ trực tiếp cho sản xuất từng loại sản phẩm có độ dày khác nhau

+ Chi phí nhân công trực tiếp:

TK 6221 : Chi phí nhân công trực tiếp - xưởng ống đen

TK 6222 : Chi phí nhân công trực tiếp - xưởng ống mạ

+ Chi phí sản xuất chung: Chi phí sản xuất chung (TK 627) được tập hợp theo từng khoản mục chi phí cho từng phân xưởng. Cụ thể như sau:

TK6271: chi phí sản xuất chung phân xưởng ống đen gồm 6 tài khoản cấp 3 để thể hiện: chi phí NV PX , chi phí NVL, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao tài sản cố định của phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài và các khoản chi phí bằng tiền khác.

TK6272: Chi phí sản xuất chung phân xưởng ống mạ gồm 7 tài khoản cấp 3 để thể hiện: chi phí NV PX , chi phí NVL, chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí hoá chất, chi phí khấu hao tài sản cố định của phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài và các khoản chi phí bằng tiền khác.

2.2.1.5. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất, góp phần tạo nên thực thể của sản phẩm và quyết định tính chất lý hoá của sản phẩm bao gồm :

NVL chính : Thép cuộn, thép dải băng và kẽm thỏi (TK 1521)

NVL phụ : Mực, dung môi, nước rửa, hoá chất (TK 1522)

Năng lượng : Than

Nhiên liệu : Dầu DO, dầu FO

Giá nguyên vật liệu xuất dùng được tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ theo công thức :

$$\text{Giá thực tế vật liệu xuất dùng} = \text{Số lượng vật liệu xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Trong đó :

$$\text{Giá đơn vị bình quân} = \frac{\text{Giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

❖ Chứng từ sổ sách sử dụng :

- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết, sổ cái TK 621

❖ Tài khoản sử dụng :

- TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- + TK 6211 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp - ống đen.

TK 6211 còn được chi tiết theo từng loại sản phẩm :

TK 62110.6 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp - ống đen 0.6 ly

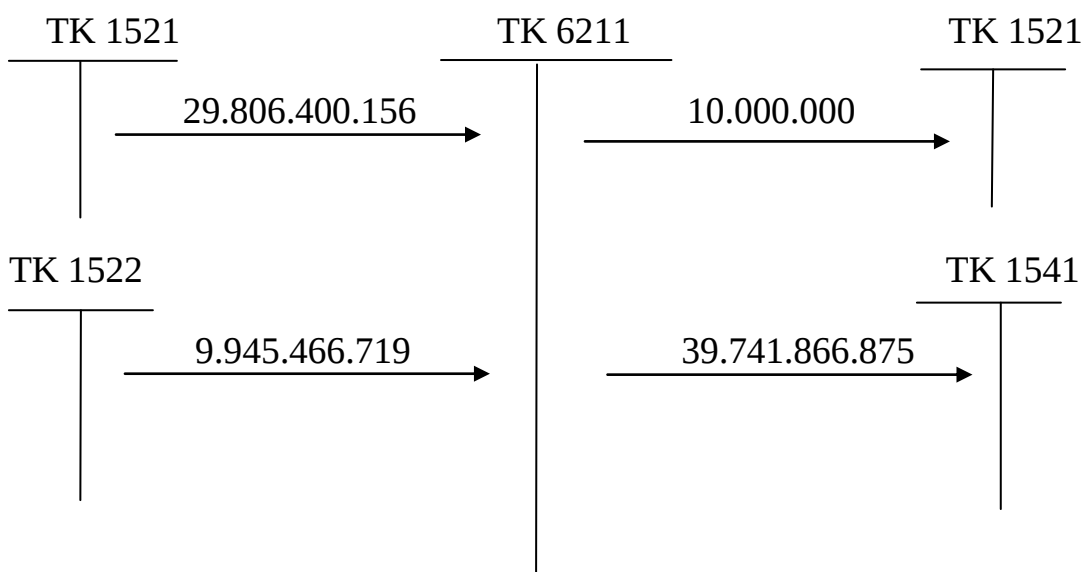
TK 62110.7 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp - ống đen 0.7 ly.

+ TK6212 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp - ống mạ

TK 62120.6 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp - ống mạ 0.6 ly

TK 62120.7 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp - ống mạ 0.7 ly.

Sơ đồ chữ T- Tập hợp NVL trực tiếp ống đen



❖ Trình tự hạch toán :

Hàng tháng, căn cứ vào kế hoạch sản xuất và định mức tiêu hao NVL do phòng kỹ thuật lập, tổ trưởng các phân xưởng viết phiếu đề nghị vật tư. Căn cứ vào đó thủ kho tiến hành kiểm tra xem kho có đáp ứng yêu cầu vật tư cho sản xuất phù hợp với định mức vật tư hay không. Nếu đáp ứng được thì thủ kho đưa phiếu đề nghị này cho kế toán để viết phiếu xuất kho.

Phiếu xuất kho được lập thành ba liên: một liên giao cho thủ kho, một liên giao cho phân xưởng, một liên được lưu tại phòng kế toán.

Từ phiếu xuất kho kế toán lưu vào thẻ kho và kế toán nhập phiếu xuất kho vào máy tính qua hệ thống phần mềm kế toán, máy tính sẽ tự cập nhật số liệu vào sổ chi tiết NVL và cuối tháng tính ra đơn giá nguyên vật liệu xuất dùng trong kỳ.

Do sản xuất ống thép phải qua khâu cắt, uốn, mạ mới tạo ra sản phẩm cuối cùng là ống thép nên toàn bộ chi phí nguyên vật liệu của các khâu này đều tập hợp thẳng vào TK621 - chi phí NVL trực tiếp của từng phân xưởng và chi tiết cho từng loại sản phẩm.

Cuối tháng sau khi đã có giá xuất nguyên vật liệu, kế toán tính được cột thành tiền của nguyên vật liệu xuất kho.

Ví dụ phiếu xuất kho nguyên vật liệu chính cho sản xuất ống đen :

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mẫu số: 01 -VT
Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 17 tháng 12 năm 2010

Số : BTP019

Họ tên người nhận hàng : Lưu Phú Bình

Nợ : 6211

Diễn giải: Xuất uôn

Có : 1550

Xuất tại kho: Kho công ty

STT	Tên vật tư	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Xuất Hotcoil 212x12		kg	11.482,00	11.482,00	11.382,75	130.696.735

Cộng : 130.696.735

Xuất ngày 17 tháng 12 năm 2010

Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi triệu sáu trăm chín sáu nghìn bảy trăm ba lăm đồng

Phụ trách phòng (ký, họ tên)	Phụ trách cung tiêu (ký, họ tên)	Người giao hàng (ký, họ tên)	Người lập (ký, họ tên)	Thủ kho (ký, họ tên)
--	--	--	----------------------------------	--------------------------------

Căn cứ vào phiếu xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ kế toán lập chứng từ ghi sổ và ghi sổ chi tiết sau đó vào sổ cái tài khoản 621. Sổ chi tiết và sổ cái TK 621 được in theo định kỳ tháng. Hết 1 tháng máy sẽ tự tập hợp chi phí nguyên vật liệu cho từng mã sản phẩm.

CÔNG TY TNHH ÔNG THÉP VIỆT NAM
KM9-QUÁN TOAN-HỒNG BÀNG-HẢI PHÒNG

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

TK 6211 : chi phí nguyên vật liệu trực tiếp - Phân xưởng ống thép đen

Dư nợ đầu kỳ:

Phát sinh nợ: **39.741.866.875:**

Phát sinh có : **39.741.866.875:**

Dư nợ cuối kỳ: :

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh	Phát sinh
Số	Ngày			Nợ	Có
BTP 001	01/12	Xuất hotcoil	1521	95.439.858	
PX 016	05/12	Xuất dầu DO	1522	2.433.900	
....					
BTP 019	17/12	Xuất hotcoil	1521	130.696.735	
.....					
BTP 024	31/12	Xuất H2SO4	1522	1.235.980	
.....					
PKT 005	31/12	Kết chuyển	1541		39.741.866.875
		Tổng phát sinh		39.741.866.875	39.741.866.875

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Đồng thời với việc vào sổ chi tiết máy sẽ tự động nhập số liệu lập chứng từ ghi sổ :

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ
S ố 20/12
Ngày 17/12/2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	
	N ợ	C ó	N ợ	C ó
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	621106		130.696.735	
Bán thành phẩm		1550		130.696.735
Cộng			130.696.735	130.696.735

Kèm theo 3 chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký , họ tên)

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ
S ố 130/12
Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	
	N ợ	C ó	N ợ	C ó
Chi phí NVL TT		6211		39.741.866.875
Chi phí SXKD DD-ống đen	1541		39.741.866.875	
Cộng			39.741.866.875	39.741.866.875

Kèm theo chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký , họ tên)

Từ chứng từ ghi sổ về phần chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho các sản phẩm hàng tháng lập sổ cái TK 621

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ GS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			N ợ	C ó
			Dư đầu			
31/12	01/12	01/12	Nguyên vật liệu	1521	33.925.762.274	
				1522	13.231.899.514	
				1524	461.602.657	
						
31/12	04/12	05/12	Dầu DO	1522	2.433.900	
31/12	20/12	17/12	Bán thành phẩm	1550	130.696.735	
31/12	130/12	31/12	Cp sản xuất kinh doanh dở dang- PX ống đen	1541		39.741.866.875
			Cp sản xuất kinh doanh dở dang- PX ống mạ	1542		32.058.887.461
.....						
			Cộng số phát sinh tháng		74.051.333.157	74.051.333.157
			Dư cuối tháng			
			Cộng lũy kế từ đầu quý			

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm
Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.1.6. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp :

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản thù lao phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ như tiền lương chính, lương phụ và các khoản phụ cấp có tính chất lương và các khoản trích theo lương như: BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN. Để nâng cao năng suất lao động nhằm phát huy tối đa tinh thần làm việc của công nhân, công ty đã thực hiện tính lương theo sản phẩm đối với công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm, có thưởng có phạt. Còn đối với nhân viên quản lý công ty áp dụng chế độ trả lương theo thời gian. Công nhân làm việc ở vị trí nào sẽ được hưởng mức lương tương ứng với vị trí đó trong khung lương.

Chi phí nhân công trực tiếp tại công ty TNHH Ống thép Việt Nam gồm: lương chính, lương làm thêm giờ, tiền ăn ca, các khoản trích theo lương như BHXH, BHYT, BHTN với công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm công ty tính lương theo sản phẩm.

Hàng tháng công ty sẽ trả lương cho người lao động vào 2 kỳ như sau: Tạm ứng vào ngày 20 hàng tháng, thanh toán vào ngày 05 tháng sau. Kỳ tạm ứng sẽ được tạm ứng 1/2 tiền lương tháng tính theo lương cơ bản nếu đi làm đủ số ngày trong nửa đầu tháng, trường hợp đi làm không đầy đủ tùy từng trường hợp sẽ được tính những ngày đi làm. Kỳ thanh toán sẽ được thanh toán tất cả các khoản được lĩnh và các khoản phải trừ khác trong tháng.

Cách tính lương cho từng công nhân sản xuất:

Mức lương cơ bản ngày được xác định:

$$\text{Lương ngày} = \frac{\text{Lcb}}{\text{Cct}}$$

Trong đó:

- ✓ Lcb: là lương cơ bản tháng.
- ✓ Cct: là số ngày công theo tiêu chuẩn tháng.

Đối với công nhân viên làm theo sản phẩm tại phân xưởng ống đen:

$$W_i = \text{ĐG} \times q$$

Trong đó:

- ✓ W_i : là tiền lương của người lao động thứ i
- ✓ ĐG: là đơn giá tiền lương sản phẩm hoặc lương khoán.
- ✓ q : là số lượng sản phẩm người lao động làm được hoặc công việc khoán hoàn thành.

Vì sản phẩm phải qua các công đoạn khác nhau nên đơn giá tiền lương 1 sản phẩm ống đen bao gồm đơn giá cắt tôn, đơn giá của công đoạn uốn ống và mạ thành ống đen.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Bảng chấm công, bảng thanh toán lương
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết, sổ cái TK 622

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 622 - chi phí nhân công trực tiếp và tài khoản này được chi tiết cho từng phân xưởng:

- + TK6221: chi phí nhân công trực tiếp - xưởng ống đen
- + TK 6222: chi phí nhân công trực tiếp - xưởng ống mạ

❖ Quy trình hạch toán:

Hàng ngày tổ trưởng sản xuất sẽ chấm công cho công nhân viên tại phân xưởng mình vào bảng chấm công, báo cáo công việc hoàn thành và số lượng sản phẩm hoàn thành trên các phiếu báo cáo công việc. Định kỳ nửa tháng các báo cáo này sẽ chuyển lên cho kế toán tiền lương để làm căn cứ lập bảng tính lương cho nhân viên từng phân xưởng sản xuất, sau đó lập bảng thanh toán lương cho các phân xưởng. Tại các phân xưởng của công ty đều có bảng chấm công để theo dõi số ngày nghỉ việc có lý do số ngày nghỉ không lý do, số ngày nghỉ phép và số ngày làm việc của công nhân viên...

Trong đó cách tính các khoản trích BHYT, BHXH, BHTN như sau:

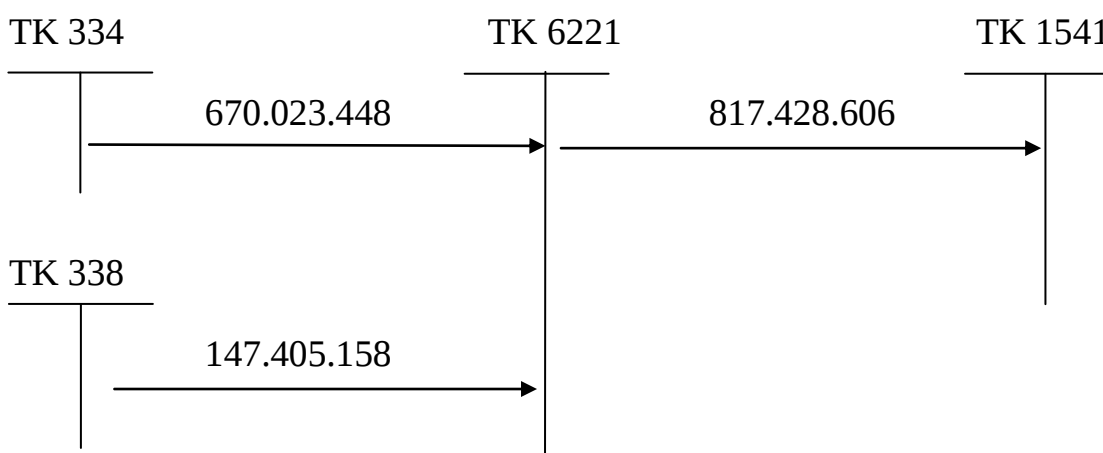
- BHXH: Được hình thành từ việc trích lập bằng một tỷ lệ theo quy định là 16% trên tiền lương phải trả cho CNV được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh và khấu trừ từ lương phải trả cho CNV là 6%. Nhằm chi trả, trợ cấp cho CNV tạo điều kiện làm việc tốt nhất

- BHYT: Được hình thành từ việc trích lập theo tỷ lệ là 3% trên lương phải trả cho CNV tính vào chi phí và công ty được khấu trừ từ lương phải trả cho CNV là 1,5%.

- BHTN: Được trích hàng tháng theo tỷ lệ 2% trên tổng lương cơ bản. (1% tính vào chi phí sản xuất, 1% trừ vào thu nhập của người lao động).

- Kinh phí công đoàn (KPCĐ): Là khoản được hình thành từ việc trích lập theo tỷ lệ 2% trên tiền lương của CNV và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh. KPCĐ được dùng để chi cho các hoạt động của tổ chức công đoàn như hoạt động văn hóa, thể thao...

Sơ đồ chữ T- Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp ổng đen



Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG CHẤM CÔNG
Tháng 12 năm 2010 – Phân xưởng ống đen

Stt	Họ tên	Mã	Ngày công trong tháng															Tổng cộng	Ghi chú
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	...	27	28	29	30	31		
1	Lưu Phú Bình		x	x	x	x	x	x		x	x	...	x		x	x	x		
2	Tổng Thị Duyên		x	x	x	x	0	x		x	x	...	x		x	x	x		
3	Phạm Thị Hường		x	x	x	x	x	x		x	x	...	x		x	x	x		
4	Nguyễn Thị Hường		x	x	x	x	x	x		x	x	...	x		x	x	x		
5	Nguyễn Văn Quyến		x	x	x	x	x	x		x	x	...	x		x	x	x		
6	Nguyễn Văn Thành		x	x	x	x	x	x		x	x	...	x		x	x	x		
			...		...		...		...		...		...				...		
	Tổng cộng																		

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG TRÍCH THEO LƯƠNG

Tháng 12 năm 2010

TK ghi Có	TK 334		TK 338					
		Tổng TK334					Tổng TK338	
TK ghi Nợ	Lương		3382	3383	3384	3389		Tổng cộng
TK 6221	670.023.448	670.023.448	13.400.469	107.203.752	20.100.703	6.700.234	147.405.158	817.428.606
TK 334				40.201.407	10.050.352	6.700.234	56.951.993	56.951.993

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2010

STT	Họ và tên	Bộ phận	Lương cơ bản	Lương sản phẩm	Tiền ăn ca	BHXH -6%	BHYT -1,5%	BHTN -1%	Lương phải trả
1	Lưu Phú Bình	PX ống đen	900.000	2.450.000	390.000	177.600	44.400	29.600	2.678.800
2	Tổng Thị Duyên	PX ống đen	850.000	2.150.000	390.000	156.600	39.150	26.100	2.362.050
3	Nguyễn Văn Quỳn	PX ống đen	900.000	2.500.000	390.000	180.600	45.150	30.100	2.724.050
4	Nguyễn Văn Thành	PX ống đen	930.000	2.400.000	375.000	177.300	44.325	29.550	2.674.275
									
	Tổng		120.000.000	450.900.000	160.500.000	30.570.000	9.171.000	6.114.000	523.325.959

Bảng trích theo lương và bảng thanh toán lương là căn cứ để lập sổ chi tiết chi phí nhân công trực tiếp cho phân xưởng ống đen trong tháng :

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

TK 6221 : chi phí nhân công trực tiếp- Phân xưởng ống thép đen

Dư nợ đầu kỳ :

Phát sinh nợ: 817.428.606:

Phát sinh có: 817.428.606:

Dư nợ cuối kỳ :

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh	Phát sinh
Số	Ngày			Nợ	Có
					
BLT12	31/12	Tính lương tháng 12	334	571 940 939	
BTT12	31/12	Tính lương tháng 13	334	98.082.509	
BTT12	31/12	Tính BHXH	3383	107.203.752	
BTT12	31/12	Tính BHYT	3384	20.100.703	
BTT12	31/12	Tính BHTN	3389	6.700.234	
BTT12	31/12	Tính KPCĐ	3382	13.400.469	
PKT05	31/12	Kết chuyển CPNCTT	1541		817.428.606
		Cộng phát sinh		817.428.606	817.428.606

Ngày tháng.....năm

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Căn cứ vào bảng trích theo lương, bảng thanh toán lương và sổ chi tiết TK 6221 kê toán lập chứng từ ghi sổ :

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ
S ố 135/12
Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	
	N ợ	C ó	N ợ	C ó
Chi phí NCTT-ống đen	6221		817.428.606	
Tiền lương T12+T13		334		670.023.448
Trích KPCĐ		3382		13.400.469
Trích BHXH		3383		107.203.752
Trích BHYT		3384		20.100.703
Trích BHTN		3389		6.700.234
Cộng			817.428.606	817.428.606

Kèm theo ... chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký , họ tên)

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

CHỨNG TỪ GHI SỔ
S ố 136/12
Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	
	N ợ	C ó	N ợ	C ó
Chi phí NCTT-ống đen		6221		817.428.606
Chi phí SXKD DD-ống đen	1541		817.428.606	
Cộng			817.428.606	817.428.606

Kèm theo ... chứng từ gốc

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký , họ tên)

Từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái TK 622 – chi phí nhân công trực tiếp :

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2010

Tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng GS	Chứng từ GS		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày			N ợ	C ó
			Dư đầu tháng			
31/12	135/12	31/12	Phải trả công nhân viên	334	1.431.289.812	
			Trích KPCĐ	3382	28.625.796	
			Trích BHXH	3383	229.006.370	
			Trích BHYT	3384	42.938.694	
			Trích BHTN	3389	14.312.898	
31/12	136/12	31/12	Chi phí SXKDD – kho BTP	1540		113.164.492
			Chi phí SXKDD-PX ống đen	1541		817.428.606
			Chi phí SXKDD– PX ống mạ	1542		815.580.472
			Cộng số phát sinh tháng		1.746.173.570	1.746.173.570
			Dư cuối tháng			
			Cộng lũy kế từ đầu quý			

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm
Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.1.7. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung là chi phí cần thiết còn lại để sản xuất sản phẩm sau chi phí nguyên vật liệu và chi phí nhân công trực tiếp. Chi phí này phát sinh ở phân xưởng sản xuất của công ty. Chi phí sản xuất chung gồm ba bộ phận chính là: Chi phí NVL gián tiếp, chi phí lao động gián tiếp và chi phí khác.

Chi phí sản xuất chung ở công ty TNHH Ống thép Việt Nam bao gồm:

- Chi phí nhân viên phân xưởng
- Chi phí vật liệu phân xưởng
- Chi phí dụng cụ sản xuất
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Các khoản chi phí được tập hợp theo thời điểm phát sinh và được phân bổ cho từng loại sản phẩm.

❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng thanh toán lương, hoá đơn tiền điện, hóa đơn tiền nước.....

- Chứng từ ghi sổ

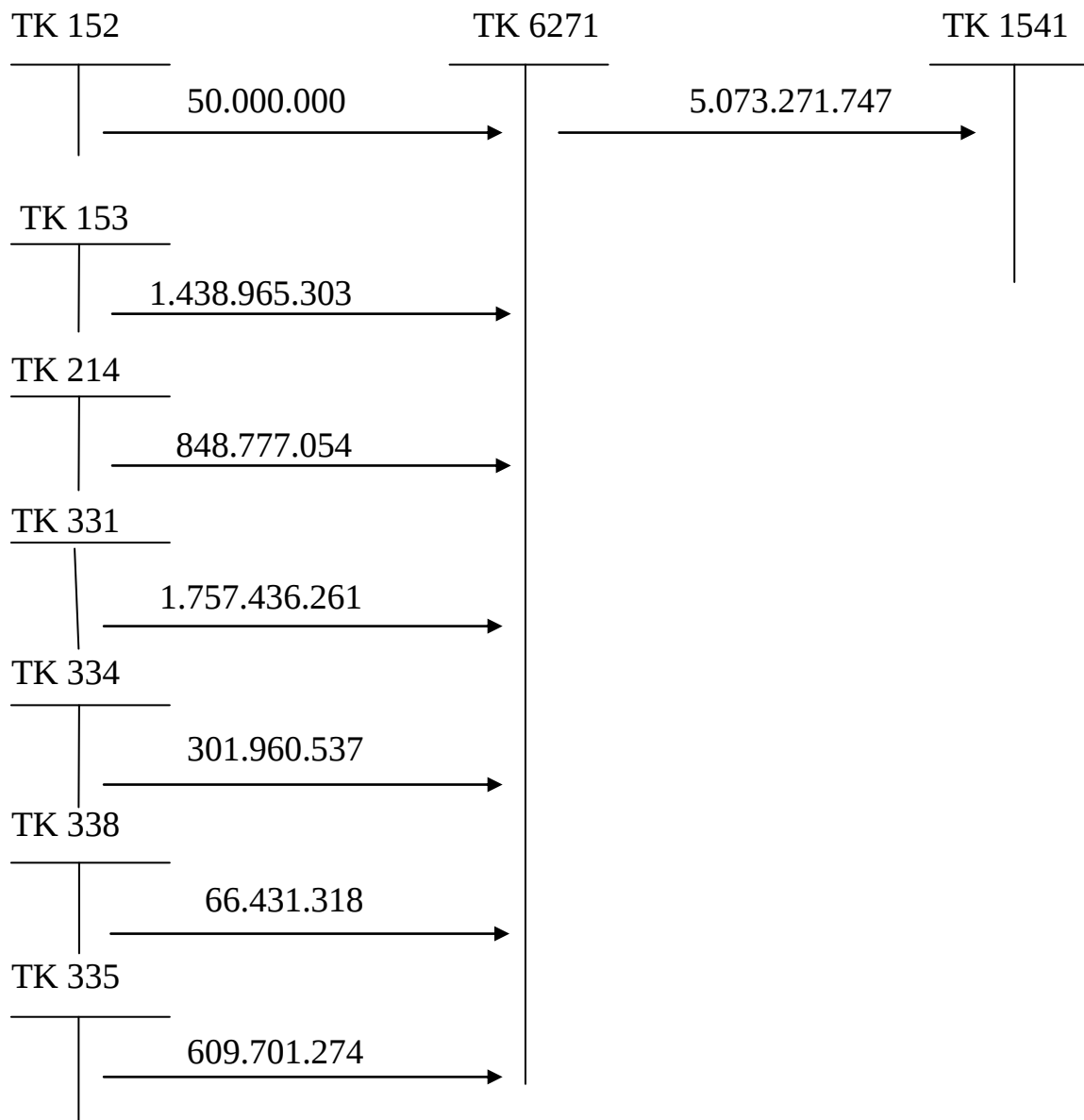
- Sổ chi tiết, sổ cái TK 627

❖ Tài khoản sử dụng:

TK 627: chi phí sản xuất chung. Tài khoản này được chi tiết theo phân xưởng và theo nội dung chi phí

- TK 6271: chi phí SXC PX ống đen
- TK 62711: Chi phí nhân viên PX ống đen
- TK 62712: chi phí vật liệu PX ống đen
- TK 62713: chi phí dụng cụ sản xuất PX ống đen
- TK 62714: chi phí khấu hao tài sản cố định phân xưởng ống đen
- TK 62717: chi phí dịch vụ mua ngoài PX ống đen
- TK 62718: chi phí bằng tiền khác PX ống đen

Sơ đồ chữ T - Tập hợp chi phí sản xuất chung ống đen



❖ Quy trình hạch toán:

Chi phí nhân viên phân xưởng gồm các khoản lương chính, lương phụ, các khoản trích theo lương: BHYT, BHXH, BHTN. Còn đối với nhân viên quản lý phục vụ sản xuất như: nhân viên bộ phận kho, điều độ kế hoạch sản xuất, quản đốc phân xưởng, quản lý nhà máy thì trả lương theo hệ số (nghĩa là lương thực lĩnh sẽ được tính vào lương cơ bản, số ngày công đi làm và hệ số hoàn thành công việc của toàn nhà máy).

Công thức tính lương:

$$W_i = h \times L_i \times C_i$$

Trong đó:

- W_i là tiền lương nhận được của nhân viên thứ i .
- L_i là tiền lương cơ bản ngày của nhân viên thứ i .
- C_i là số ngày công làm việc thực tế.
- h là hệ số hoàn thành công việc.

$$h = \frac{1 + k \times \left(\frac{TL_{sp}}{TL_{cb}} - 1 \right)}{1}$$

Trong đó:

- TL_{sp} là tiền lương sản phẩm
- TL_{cb} là tiền lương cơ bản
- k là hệ số lương quản lý

Căn cứ vào quỹ lương chia cho nhân viên phân xưởng và tổng quỹ lương được trích vào giá thành sản phẩm, kế toán tiền lương phân bổ lương cho từng phân xưởng trên. Các khoản trích theo lương được tính như với chi phí nhân công trực tiếp. Sau đó tổng hợp vào sổ chi tiết TK627, sổ cái TK627 chi tiết cho từng phân xưởng.

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

TK 6271 : chi phí nhân viên phân xưởng- Phân xưởng ống thép đen

Dư nợ đầu kỳ :

Phát sinh nợ: 368.391.855

Phát sinh có: 368.391.855

Dư nợ cuối kỳ :

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Phát sinh	Phát sinh
Số	Ngày			Nợ	Có
BLT12	31/12	Tính lương tháng 12	334	235.900.000	
BTT12	31/12	Tính lương tháng 13	334	66.060.537	
BTT12	31/12	Tính BHXH	3383	6.039.211	
BTT12	31/12	Tính BHYT	3384	48.313.686	
BTT12	31/12	Tính BHTN	3389	9.058.816	
BTT12	31/12	Tính KPCĐ	3382	3.019.605	
PKT05	31/12	Kết chuyển CPNVPX	1541		368.391.855
		Cộng phát sinh		368.391.855	368.391.855

Ngày tháng.....năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

❖ Đối với nguyên vật liệu: chi phí này gồm chi phí vật liệu dùng cho phân xưởng, bảo dưỡng .. ví như ở PX ống đen để có thể vận hành được máy móc thiết bị chủ yếu là chi phí nguyên liệu dầu DO dùng vận hành các xe nâng

- Tài khoản sử dụng : TK 62712

- Trình tự hạch toán tương tự như đối với việc xuất nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất sản phẩm. Các phiếu dầu xuất dùng được theo dõi hàng ngày trên bảng theo dõi lượng dầu tiêu thụ hàng ngày bởi quản đốc phân xưởng. Cuối tháng tổng hợp số liệu và chuyển lên cho kế toán nguyên vật liệu để lập phiếu xuất kho và tính giá nguyên liệu dầu trong tháng. từ các phiếu xuất kho nguyên vật liệu này kế toán nhập dữ liệu vào máy tính và máy tính sẽ tự động vào bảng kê Nhập - Xuất - Tồn kho NVL, vào các sổ chi tiết TK 62712 và các chứng từ ghi sổ, sổ cái

❖ Đối với chi phí công cụ dụng cụ phục vụ sản xuất tại phân xưởng.

- Tài khoản sử dụng: TK6273 - chi phí công cụ dụng cụ

- Trình tự hạch toán và phương pháp ghi sổ tương tự như chi phí NVLTT. Những công cụ dụng cụ lớn nhưng chưa đủ điều kiện được ghi nhận là tài sản thì được tính phân bổ nhiều lần và phân bổ dần. Khi có nhu cầu sử dụng những loại công cụ dụng cụ này tại phân xưởng thì tổ trưởng bộ phận viết phiếu yêu cầu đề nghị vật tư sau đó chuyển cho phòng kế toán để làm phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho gồm 3 liên trong đó có một liên do thủ kho giữ làm căn cứ xuất kho và ghi thẻ kho. Sau đó chuyển lên phòng kế toán để nhập vào máy tính.

Trong kỳ phiếu nhập kho chỉ cần nhập số lượng đến cuối tháng thì tổng hợp lượng xuất của từng loại công cụ dụng cụ và tính giá xuất kho của từng loại công cụ dụng cụ trên phần mềm kế toán.

Tại công ty TNHH Ống thép Việt Nam tất cả các công cụ dụng cụ đều tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

TK 62713 : Chi phí công cụ dụng cụ sản xuất- Phân xưởng ống thép đen

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ: 1.438.965.303

Phát sinh có: 1.438.965.303

Dư nợ cuối kỳ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....					
VT16	15/12	Xuất dây bó ống	153	842.719	
.....					
VT20	17/12	Xuất que hàn	153	2.748.750	
VT21	17/12	Xuất dụng cụ bảo hộ	153	11.531.355	
.....			...		
PKT10	31/12	Kết chuyển CP dụng cụ	1541		1.438.965.303
		Cộng phát sinh		1.438.965.303	1.438.965.303

Ngày tháng.....năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

❖ Đối với khấu hao TSCĐ: Đó là phản ánh khấu hao tài sản cố định thuộc các phân xưởng sản xuất kinh doanh chính, sản xuất kinh doanh phụ như : máy móc thiết bị nhà cửa, phương tiện vận tải... cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam dùng phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian ước tính tương đương. mức khấu hao được tính theo công thức:

$$\text{Mức khấu hao trích trong tháng} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng ước tính (tháng)}}$$

Dựa vào nguyên giá TSCĐ và số năm tính khấu hao để tính khấu hao hàng năm và khấu hao tháng sau đó. Phân bổ chi phí khấu hao sản xuất chung cho phân xưởng theo chi phí nhân công trực tiếp.

Việc tính khấu hao toàn bộ tài sản do phần mềm kế toán máy thực hiện trên bảng tính EXCEL qua các thông tin về nguyên giá và thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Công ty tính khấu hao theo phương pháp tròn tháng tức là bất kể tài sản tăng giảm ở thời điểm nào trong tháng thì tháng sau mới bắt đầu tính khấu hao. Kế toán nhập số liệu đã tính vào phần mềm kế toán để máy tự động vào sổ chi tiết, chứng từ ghi sổ, sổ cái TK 214, sổ chi tiết và sổ cái TK 6274, TK 627. Cuối năm tài chính kế toán tổng hợp lại toàn bộ TSCĐ đã có tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ trong năm. Và từ đó phân bổ khấu hao tháng cho các bộ phận.

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

Phân xưởng ống đen

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên TSCĐ	Năm SD tính	Thời hạn SD (năm)	Nguyên giá	Tổng mức KH đã trích	Mức KH tháng này	Giá trị còn lại TSCĐ
							
	Bể mạ 02	T1/ 2006	10	496.500.000	244.112.500	4.137.500	248.250.000
							
	Xe nâng 03	T1/ 2010	5	60.000.000	11.000.000	1.000.000	48.000.000
	Móc cầu	T12/ 2010	5	17.046.000	284.100	284.100	16.761.900
							
	Cộng			513.564.587.154	226.584.154.262	848.777.054	286.131.655.838

Người lập

Kế toán trưởng

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

TK 62714 : Chi phí khấu hao TSCĐ- Phân xưởng ống thép đen

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ: 848.777.054

Phát sinh có: 848.777.054

Dư nợ cuối kỳ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Số	Ngày				
.....					
HĐ 514	25/11	KH móc cầu	2141	284.100	
					
BKH T12	31/12	KH bể mạ 02	2141	4.137.500	
.....					
BKH T12	31/12	KH xe nâng 03	2141	1.000.000	
.....					
PKT12	31/12	Kết chuyển CPKH	1541		848.777.054
		Cộng phát sinh		848.777.054	848.777.054

Ngày tháng.....năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

❖ Đối với chi phí dịch vụ mua ngoài: như nước, điện, thư tín..phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty. Tiền điện và các chi phí sửa chữa được tập hợp theo phân xưởng.

- TK sử dụng: TK 62717: chi phí dịch vụ mua ngoài phân xưởng ống đen
TK 62727: Chi phí dịch vụ mua ngoài phân xưởng ống mạ.

Căn cứ vào phiếu chi, các hoá đơn kế toán sẽ nhập hàng ngày vào sổ chi tiết, sổ cái TK627.

Đơn vị: **CTY TNHH ÓNG THÉP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

Mã số thuế: 0200109043

Telefax: 031. 3534. 508

Ban hành theo QĐ

số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của BTC

PHIẾU CHI

Ngày 31/12/2010

Số CT : PC 116

TK ghi nợ 331

TK ghi có 1111

Người nhận tiền: Phạm Văn Thanh

Địa chỉ : Phòng vật tư

Lý do : Trả tiền xăng theo HĐ 92503 cho Công ty Mai Linh

Số tiền: 9.586.000

Bằng chữ: Chín triệu năm trăm tám sáu nghìn VNĐ

Kèm theo.....01.....chứng từ gốc

Giấy giới thiệu số: Ngày.....//

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Kế toán thanh toán

(ký, họ tên)

Người nhận tiền

(ký, họ tên)

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

TK 62717 : Chi phí dịch vụ mua ngoài- Phân xưởng ống thép đen

Dư nợ đầu kỳ :

Phát sinh nợ: 1.707.436.261

Phát sinh có: 1.707.436.261

Dư nợ cuối kỳ :

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ'	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Số	Ngày				
.....					
PKT 01	31/12	Sửa chữa động cơ điện (HĐ 36001)	331	16.761.905	
.....					
PKT 03	31/12	Điện sản xuất kỳ 1 tháng 12(HĐ 5539691,...)	331	305.365.093	
PKT 04	31/12	Thanh toán tiền xăng (HĐ 92503)	331	9.586.000	
PKT 05	31/12	Thanh toán tiền điện kỳ II tháng 12 (HĐ 07253)	331	85.615.200	
.....					
PKT13	31/12	Kết chuyển CP mua ngoài	1541		1.507.436.261
		Cộng phát sinh		1.707.436.261	1.707.436.261

Ngày tháng.....năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

❖ Đối với chi phí vốn bằng tiền khác (đó là các khoản chi bằng tiền ngoài các khoản trên): chi phí vận chuyển bốc dỡ, tiếp khách, chi phí thuê kho bãi..

Chi phí này được chi tiết cho từng phân xưởng trên các tài khoản cấp 3:

+ TK 62718: chi phí bằng tiền khác ở PX ống đen

+ TK 62728: chi phí bằng tiền khác ở PX ống mạ

Quy trình hạch toán: căn cứ vào các chứng từ gốc phiếu thu phiếu chi hoá đơn GTGT sau đó kế toán lựa chọn phần hành phù hợp và cập nhập số liệu vào máy tính, máy tính sẽ chuyển vào sổ chi tiết, chứng từ ghi sổ, sổ cái tài khoản 627 và các tài khoản khác có quan hệ đối ứng phát sinh.

❖ Tập hợp chi phí sản xuất chung:

Khi đã có số liệu về các phần hành liên quan kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất chung của các phân xưởng.

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

TK 6271 : Chi phí sản xuất chung- Phân xưởng ống thép đen

Dư nợ đầu kỳ :

Phát sinh nợ: 5.073.271.747

Phát sinh có: 5.073.271.747

Dư nợ cuối kỳ :

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Số	Ngày				
.....					
VT 16	15/12	Xuất dây bó ống	153	842.719	
VT 21	17/12	Xuất dụng cụ bảo hộ	153	11.531.355	
HĐ 514	31/12	KH móc cầu	2141	284.100	
HĐ 253	31/12	Tiền điện kỳ 2 T12	331	85.615.200	
PKT10	31/12	Kết chuyển CPSXC	1541		5.073.271.747
		Cộng phát sinh		5.073.271.747	5.073.271.747

Ngày tháng.....năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

2.2.2. Tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp và tính giá thành sản phẩm

2.2.2.1. Tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp

❖ Tài khoản chi tiết sử dụng:

TK 1541: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang – phân xưởng ống đen

TK1542: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang – phân xưởng ống mạ

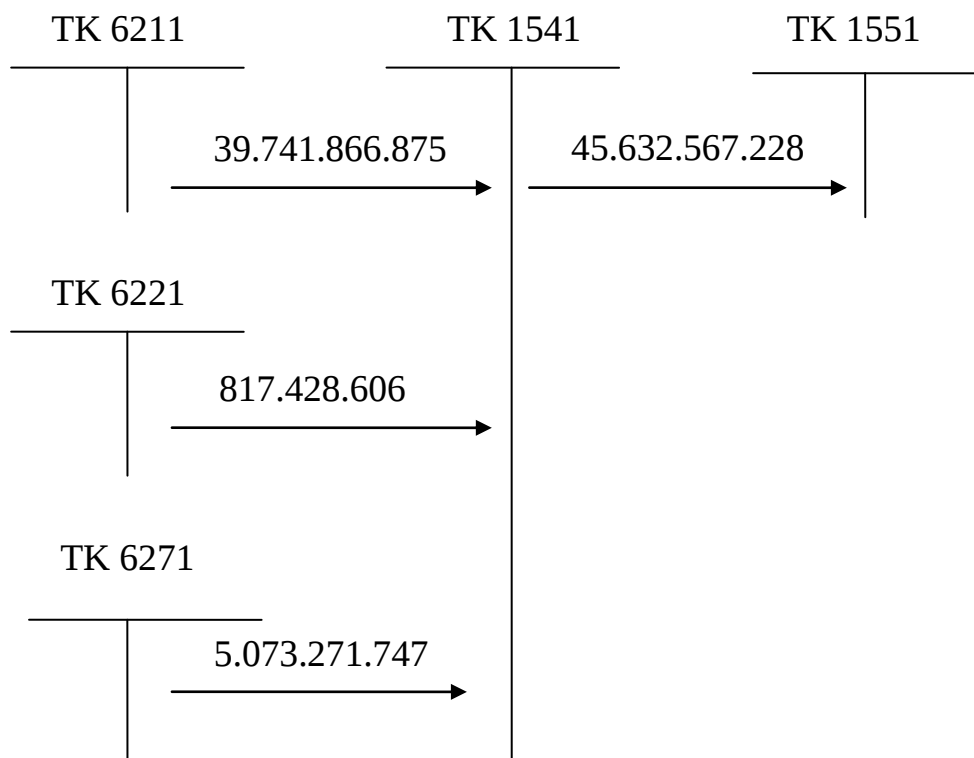
❖ Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn giao hàng
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ chi tiết, sổ cái TK 154

❖ Trình tự hạch toán :

Kế toán tổng hợp thông qua kế toán NVL theo dõi chi tiết tình hình biến động NVL phản ánh ở phần mềm kế toán, kết chuyển sang tài khoản cho từng chủng loại sản phẩm, kế toán tổng hợp thông qua kế toán tiền lương theo dõi tổng tiền lương phải trả, tiền trích BHXH, BHYT, BHTN của công nhân viên trong công ty vào TK 622 và toàn bộ chi phí SXC phát sinh trong kỳ vào TK627 chi tiết theo từng phân xưởng, sau đó phân bổ và kết chuyển sang TK154 chi tiết cho từng phân xưởng - đối với TK 622 và TK 627 và cho từng chủng loại sản phẩm - đối với TK 621. Toàn bộ CPSX liên quan đến giá thành sản phẩm được tập hợp vào bên Nợ TK154.

Sơ đồ chữ T- Tập hợp chi phí sản xuất ống đen



Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

TK 1541 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Phân xưởng ống thép đen

Dư nợ đầu kỳ

Phát sinh nợ: 45.632.567.228

Phát sinh có: 45.632.567.228

Dư nợ cuối kỳ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
Số	Ngày				
PN 01	01/12	Nhập ống đen loại 2	15512		37.713.170
PN 02	01/12	Nhập ống hàn từ sản xuất	1551		801.270.816
.....					
PN 10	05/12	Nhập ống hàn từ sản xuất	1551		7.815.174
PN 56	30/12	Nhập ống TM sản xuất	1551		2.277.512
					
PKT 15	31/12	KC NVL ống đen 6211	621106	1.453.076.991	
	31/12	KC NVL ống đen 6211	621109	2.469.442.812	
	31/12	KC CP NCTT ống đen 6221	6221	817.428.606	
	31/12	KC CP SXC ống đen 6271	62711	368.391.855	
	31/12	KC CP SXC ống đen 6271	62717	1.507.436.261	
.....					
		Cộng phát sinh		45.632.567.228	45.632.567.228

Ngày tháng.....năm

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Tổng giám đốc
(Ký, họ tên)

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

SỔ TỔNG HỢP TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2010

Tài khoản 154: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

TKĐƯ	Tên tài khoản	Phát sinh	
		Nợ	Có
	Dư đầu kỳ		
6210	Chi phí NVLTT sản xuất BTP	341.864.664	
6211	Chi phí NVLTT SX ống đen	39.741.866.875	
6212	Chi phí NVLTT SX ống mạ	32.058.887.461	
6220	Chi phí nhân công TT sản xuất BTP	40.631.107	
6221	Chi phí nhân công TT SX ống đen	817.428.606	
6222	Chi phí nhân công TT SX ống mạ	200.243.224	
6270	Chi phí SXC SX BTP	9.270.461	
6271	Chi phí SXC SX ống đen	5.073.271.747	
6272	Chi phí SXC SX ống mạ	3.249.455.780	
			
1550	Bán thành phẩm		361.563.200
1551	Thành phẩm ống đen		102.497.319.110
1552	Thành phẩm ống mạ		71.440.332.060
	Tổng phát sinh	185.329.402.986	185.329.402.986
	Dư cuối kỳ		

2.2.2.2. Công tác tính giá thành sản phẩm ở công ty TNHH Ống thép Việt Nam.

Quá trình sản xuất được thực hiện liên tục, bán thành phẩm cũng có thể được nhập kho và bán giống như sản phẩm, những phần dở dang còn lại rất ít không đáng kể và hầu như có kế hoạch sản xuất gọn và tính hết trong tháng, do đó công ty không tiến hành đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

❖ Đối tượng tính giá thành.

Quy trình công nghệ sản xuất của công ty là quy trình công nghệ sản xuất giản đơn kiểu liên tục. Công ty sản xuất ra nhiều loại sản phẩm với quy cách, phẩm cấp khác nhau nên đã xác định đối tượng tính giá thành là từng chủng loại ống sản xuất ra (được phân chia theo sự khác nhau của đường kính, độ dày, độ dài của ống)

❖ Kỳ tính giá thành.

Do có đặc điểm là chu kỳ sản xuất ngắn nên Công ty xác định kỳ tính giá thành là hàng tháng vào ngày cuối tháng, phù hợp với ngày lập các báo cáo. Cách làm này tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất được đảm bảo kịp thời, nhanh chóng, cung cấp thông tin một cách nhạy bén.

❖ Phương pháp tính giá thành.

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam áp dụng phương pháp tính giá thành giản đơn. Với đặc điểm của sản xuất là không có sản phẩm làm dở nên các chi phí phát sinh trong tháng tập hợp được phân bổ cho số lượng sản phẩm sản xuất ra trong tháng. Nên ta dùng công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất} & = & \text{NVLT} & + & \text{NCTT} & + & \text{SXC} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thành đơn} & & \text{Tổng giá thành sản xuất} \\ \text{vị SP} & = & \frac{\text{vị SP}}{\text{Tổng khối lượng SP hoàn thành}} \end{array}$$

Chi phí NCTT và chi phí sản xuất chung được phân bổ đều cho từng sản phẩm theo chi phí NVLTT sau khi tập hợp sẽ được chi tiết cho từng loại sản phẩm như: ống đen 0.6 ly, ống đen 0.7 ly, ống đen 0.9 ly... Khi các số liệu về chi phí được tổng hợp trên phần mềm kế toán. Phần mềm sẽ tự động tính giá thành từng loại sản phẩm theo các bước như sau:

- Xác định chi phí phát sinh và số lượng sản phẩm hoàn thành
- Đánh giá sản phẩm dở dang
- Kết chuyển chi phí trực tiếp
- Phân bổ chi phí theo phương pháp định mức
- Xem kết quả kết chuyển và phân bổ chi phí
- Tính và cập nhật giá thành

Tại phân xưởng ống đen do sản xuất các loại ống thép có kích thước khác nhau nên giá thành được tính cho từng sản phẩm khác nhau và được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

VD : - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của ống đen 0,6 ly là : 1.453.076.991
- Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp của ống đen : 39.741.866.875
- Chi phí nhân công trực tiếp sản xuất ống đen : 817.428.606
- Chi phí SXC ống đen : 5.073.271.747

Phân bổ :

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí NCTT} \\ \text{ống đen 0,6 ly} \end{array} = \frac{817.428.606 * 1.453.076.991}{39.741.866.875} = 29.887.542$$

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXC} \\ \text{ống đen 0,6 ly} \end{array} = \frac{5.073.271.747 * 1.453.076.991}{39.741.866.875} = 185.493.411$$

$$\begin{aligned} Z \text{ ống đen 0,6ly} &= 1.453.076.991 + 29.887.542 + 185.493.411 \\ &= 1.668.457.944 \end{aligned}$$

$$z = 1.668.457.944 / 111.129 = 15.014$$

Công ty TNHH Ống thép Việt Nam
Km9 – Quán Toan – Hồng Bàng – Hải Phòng

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Phân xưởng ống đen

Tháng 12/2010

Mã SP	Tên SP	ĐVT	Số lượng	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị	Chi phí NVL trực tiếp	CP NCTT	CP SXC
TPT0.6	TP ống đen 0.6 ly	Kg	111.129	1.668.457.944	15.014	1.453.076.991	29.887.542	185.493.411
TPT0.7	TP ống đen 0.7ly	Kg	78.164	1.199.029.586	15.340	1.044.247.061	21.478.543	133.303.982
TPT0.8	TP ống đen 0.8 ly	Kg	122.981	1.740.841.043	14.155	1.516.116.168	31.184.160	193.540.715
...	...		...	...	...	...	...	...

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ÓNG THÉP VIỆT NAM

3.1.ĐÁNH GIÁ VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT, TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ÓNG THÉP VIỆT NAM :

Tại các doanh nghiệp kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một khâu rất quan trọng trong công tác kế toán. Tập hợp chính xác và đầy đủ chi phí sẽ tính được giá thành chính xác, tạo điều kiện cung cấp thông tin cho các nhà quản lý ra quyết định đúng đắn nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm góp phần mang lại thắng lợi cho doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh của nền kinh tế thị trường.

Xuất phát từ nhận thức đổi mới về mọi mặt và tầm quan trọng của việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cùng với kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty TNHH Ống thép Việt Nam đã xây dựng một mô hình gọn nhẹ, kế hoạch hiệu quả, đã có những đổi mới trong công tác hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và có bộ máy kế toán năng động và gắn chặt với quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chính vì vậy trong những năm qua tuy Công ty gặp nhiều khó khăn do sản phẩm chịu sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường song Công ty TNHH Ống thép Việt Nam vẫn đứng vững trên thị trường, làm ăn có lãi và giữ được uy tín của mình. Có thể nói cho đến nay Công ty TNHH Ống thép Việt Nam đã khẳng định cho mình một chỗ đứng quan trọng trong nền kinh tế. Trải qua quá trình phát triển công ty đã không ngừng trưởng thành và lớn mạnh, cơ sở vật chất không ngừng được nâng cao, trình độ quản lý đang từng bước được hoàn thiện.

Qua thời gian thực tập tìm hiểu, nghiên cứu tiếp cận thực tế sản xuất và thực tế công tác kế toán tại công ty TNHH Ống thép Việt Nam em xin có một số nhận xét sau đây :

3.1.1. Ưu điểm :

- Bộ máy quản lý của công ty.

Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức chặt chẽ và hợp lý từ các phòng ban, phân xưởng. Cán bộ công nhân viên của công ty là những người có trình độ chuyên môn cao, tổ chức công tác chi tiết, rõ ràng, dễ quản lý. Mặt khác giữa các phòng ban có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ đắc lực.

- Về bộ máy kế toán :

Phòng kế toán công ty được tổ chức tương đối khoa học, hoàn chỉnh. Công ty đã sử dụng phần mềm kế toán được thiết kế khá phù hợp với công ty cùng với đội ngũ nhân viên trẻ tuổi, hầu hết đã có trình độ đại học và sử dụng thành thạo máy vi tính giúp giảm bớt khối lượng công việc rất nhiều so với kế toán thủ công, giảm thiểu sai sót trong quá trình ghi chép, xử lý chứng từ, giúp công việc nhanh chóng và chính xác hơn, công tác kế toán được thực hiện đồng bộ, nhanh chóng và chính xác, số liệu đưa vào máy tính một cách liên hoàn, khoa học. Do vậy, việc tổ chức công tác hạch toán kế toán được tiến hành một cách kịp thời và thích ứng với điều kiện hiện nay của công ty.

- Về hình thức tổ chức kế toán :

Công ty lựa chọn hình thức tổ chức kế toán theo mô hình kế toán tập trung phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được kế toán phản ánh một cách nhanh chóng và chính xác.

Với mô hình kế toán này việc đảm bảo sự tập trung thống nhất và chặt chẽ giúp cho việc kiểm tra chỉ đạo sản xuất kịp thời, chuyên môn hoá cán bộ tạo điều kiện cho việc ứng dụng trong quản lý hạch toán.

- Về phương pháp hạch toán :

Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, phương pháp tính trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ là hoàn toàn thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, đặc biệt là khả năng kiểm tra giám sát một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí sản xuất và tính giá thành.

- Về hình thức kế toán :

Công ty áp dụng hình thức kế toán máy dựa trên mẫu sổ của hình thức chứng từ ghi sổ. Đây là hình thức kế toán tương đối đơn giản, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp về yêu cầu quản lý cũng như đặc điểm hoạt động.

- Về hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán sử dụng :

Do Công ty có sử dụng phần mềm kế toán nên các chứng từ như: phiếu nhập, phiếu xuất, phiếu thu, phiếu chi... khi nhập đều có sẵn màn hình nhập liệu đồng thời các chứng từ, các tài khoản, và mẫu sổ này vẫn tuân theo mẫu QĐ 15/2006/QĐ - BTC. Mặc dù thực hiện kế toán trên phần mềm nhưng sau mỗi niên độ, phòng kế toán của công ty vẫn tiến hành in ra giấy, đóng thành sổ với mẫu theo đúng quy định, thực hiện bảo quản tài liệu trên cả máy lẫn trên giấy tờ.

- Về công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm :

Công ty đã tổ chức tập hợp chi phí cho từng phân xưởng trong tháng, cuối tháng tiến hành tính giá thành cho từng chủng loại sản phẩm. Cách tính giá này cho phép công ty có thể so sánh giá thành giữa các tháng đối với từng loại sản phẩm cũng như hiệu quả sản xuất của công ty. Có thể nói, công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được thực hiện tốt đã giúp công ty đề ra những biện pháp tiết kiệm chi phí có hiệu quả, giúp cho tình hình phân tích giá thành trên nhiều góc độ được rõ ràng, góp phần vào việc xây dựng hướng quản lý giá thành một cách thiết thực hơn.

3.1.2.Một số tồn tại :

Bên cạnh những mặt tích cực cần phát huy của mình, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ống thép Việt Nam còn có một số tồn tại chưa phù hợp với chế độ chung, chưa thật sự khoa học cần phải phân tích làm sáng tỏ trên cơ sở đó có những phương hướng nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

3.1.2.1.Công tác bảo quản nguyên vật liệu trực tiếp :

Phần lớn nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất của công ty là những cuộn thép có giá trị lớn nhưng một số các cuộn thép khi được nhập về do hệ thống kho bãi còn thiếu và ý thức của bộ phận quản lý kho chưa cao nên đã không được bảo quản tốt, không có vật che đậy làm cho chúng bị han gỉ do tác động trực tiếp của thời tiết làm ảnh hưởng đến chất lượng nguyên vật liệu đầu vào của sản phẩm. Đồng thời còn dễ gây ra sự mất mát, thiếu hụt làm tăng chi phí, tăng giá thành của sản phẩm.

3.1.2.2.Công tác quản lý sản phẩm hỏng:

Tại công ty hiện nay bộ phận kế toán không tiến hành đánh giá sản phẩm hỏng vì cho rằng sản phẩm hỏng của công ty hiện nay là không đáng kể và chiếm tỷ trọng nhỏ, nên không thể đánh giá chính xác chất lượng sản phẩm của công ty.

Trong quá trình sản xuất không thể tránh khỏi việc sản xuất sản phẩm hỏng, dù ít hay nhiều thì những sản phẩm này cũng gánh chịu chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ. Nếu giá trị sản phẩm hỏng nằm trong định mức thì toàn bộ chi phí này được tính cho sản phẩm hoàn thành. Nếu giá trị này nằm ngoài định mức thì phải loại bỏ phần chi phí sản xuất sản phẩm hỏng khỏi giá thành sản phẩm hoàn thành như vậy mới tính chính xác giá thành sản phẩm.

3.1.2.3.Công tác sử dụng TSCĐ :

Ý thức của công nhân trong việc sử dụng và bảo quản TSCĐ còn chưa cao.

Ví dụ như một số xe nâng mới được đầu tư từ tháng 1/2010 nhưng tính đến tháng 12/2010 đã phải tiến hành sửa chữa, thay thế phụ tùng 2-3 lần do nâng quá trọng tải cho phép. Mặc dù công ty có quy trách nhiệm bồi thường nhưng chỉ bồi thường một phần chi phí phải bỏ ra để sửa chữa nên chi phí sửa chữa TSCĐ còn khá lớn và làm ảnh hưởng đến thời gian sản xuất, hoàn thành sản phẩm cũng như việc bốc dỡ thành phẩm, chậm thời gian giao hàng cho khách, ảnh hưởng đến uy tín của công ty.

3.1.2.4. Về trình tự tính khấu hao TSCĐ :

Bảng phân bổ khấu hao và bảng tính khấu hao của công ty đang sử dụng tuy phản ánh một cách đầy đủ và chi tiết tình hình sử dụng tài sản của công ty nhưng vì quá nhiều tài sản được ghi và lập không theo trình tự thời gian thống nhất nên có thể gây khó khăn khi kế toán tổng hợp số liệu về tài sản cố định trong từng năm nhằm mục đích phục vụ cho quản trị doanh nghiệp.

Trong tháng 1/2010 có 2 TSCĐ được đầu tư mới cho phân xưởng ống đen là xe nâng 03 được mua vào ngày 2/1 và bể mạ 02 mua vào ngày 24/1 nhưng do doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính khấu hao theo đường thẳng và tròn tháng nên kế toán đã sắp xếp việc tính khấu hao bể mạ 02 trước xe nâng 03 làm việc đối chiếu, so sánh giữa các chứng từ mất thêm thời gian và công sức.

3.1.2.5. Chi phí sản xuất chung:

Hiện nay công ty tiến hành ghi chép và hạch toán tất cả các khoản chi phí sản xuất chung về dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác của cả phân xưởng ống đen lẫn ống mạ vào TK 62717 rồi mới tiến hành phân bổ vào cuối tháng cho sản phẩm ống đen và ống mạ để tính giá thành sản phẩm nên còn chưa được chính xác vì có một phần chi phí của phân xưởng ống mạ lại tập hợp vào chi phí của phân xưởng ống đen và phân bổ cho thành phẩm ống đen.

Ví dụ : ngày 31/12 chi phí bốc dỡ 2.000 kg thành phẩm ống mạ 0,6 ly là : 1.050.000 và 2.000 kg thành phẩm ống đen 0,6 ly là : 1.050.000

Kế toán hạch toán :

Nợ TK 6271 : 2.100.000

Có TK 331 : 2.100.000

3.1.2.6. Về việc phân loại chi phí :

Hiện nay công ty chủ yếu phân loại chi phí theo khoản mục chi phí thành chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung mới chỉ phục vụ công tác quản lý chi phí theo định mức và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành mà chưa quan tâm đến việc phân loại chi phí theo các chỉ tiêu khác như khối lượng hoạt động....làm cho việc quản lý chi phí chưa đạt hiệu quả cao trong việc kiểm tra và ra quyết định.

3.2. TÍNH TẤT YẾU PHẢI HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ÓNG THÉP VIỆT NAM.

Trong nền kinh tế phát triển và cũng đầy biến động như hiện nay, mỗi doanh nghiệp phải luôn hoàn thiện mình và nhanh chóng thích nghi với điều kiện kinh tế, chính trị của đất nước. Để hoàn thiện mình doanh nghiệp phải hoàn thiện ở từng khâu, từng bộ phận trong đó bộ phận kế toán là bộ phận vô cùng quan trọng vì nó là công cụ hỗ trợ đắc lực cho công tác quản lý giúp cho doanh nghiệp phát triển và thành đạt.

Chính vì vậy nhà nước ta vẫn đang tiếp tục xây dựng và hoàn thiện luật, chuẩn mực và ban hành các thông tư hướng dẫn kế toán để có một xu hướng phù hợp với tiêu chuẩn chung của chuẩn mực quốc tế. Mục tiêu của nhà nước chỉ tạo ra khung pháp lý để các doanh nghiệp tự tìm ra và áp dụng các phương pháp hạch toán phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp mình đồng thời tối đa hóa khả năng sử dụng thông tin cho các đối tượng.

Đứng trước những thay đổi đó công ty nên có những biện pháp kế toán sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình, cập nhật các chuẩn mực kế toán

mới, các thông tư hướng dẫn vào công tác kế toán của doanh nghiệp, áp dụng những tiến bộ khoa học vào công tác kế toán. Do vậy tính tất yếu đối với công ty là phải hoàn thiện công tác kế toán để phù hợp với chuẩn mực chung của quốc tế giúp cho doanh nghiệp hoà nhập với sự phát triển chung của thế giới và có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Trong khi đó thực trạng của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty TNHH Ống thép Việt Nam vẫn còn một số hạn chế gây khó khăn cho công tác quản lý vì vậy hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Ống thép Việt Nam mang tính tất yếu.

3.3.YÊU CẦU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ỐNG THÉP VIỆT NAM :

❖ Yêu cầu của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm :

- Đem lại hiệu quả về mặt kinh tế so với hình thức đang áp dụng tại doanh nghiệp.

- Những biện pháp hoàn thiện phải tuân theo các quy chế, chuẩn mực chung và không vi phạm pháp luật.

- Đồng thời những biện pháp này phải phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

❖ Phương hướng chung để hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ống thép Việt Nam :

Tiếp tục phát huy những ưu điểm hiện có và tìm ra biện pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại nhằm đảm bảo hạch toán theo đúng chế độ Nhà nước quy định và đáp ứng những yêu cầu quản lý hạch toán tại doanh nghiệp trong đó có tính đến các định hướng phát triển của doanh nghiệp.

3.4.NỘI DUNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIÊN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ÔNG THÉP VIỆT NAM:

Bên cạnh những mặt tích cực mà công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đã làm được thì vẫn còn một số hạn chế chưa thực sự đem lại hiệu quả tối ưu cho công ty. Bằng những kiến thức đã được học đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn em xin đề xuất một số ý kiến với mong muốn đóng góp một phần nhỏ vào việc khắc phục những hạn chế để cho công tác kế toán tại công ty nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng ngày càng hoàn thiện.

3.4.1.Kiến nghị 1 :

Hoàn thiện công tác bảo quản nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm và có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng của sản phẩm.

- Mục tiêu của giải pháp : Giảm thiểu sự tác động của môi trường, con người đến nguyên vật liệu trực tiếp.

- Cách thức tiến hành : Xây dựng thêm kho bãi hoặc bộ phận quản lý kho sắp xếp một cách hợp lý để nguyên vật liệu luôn được bảo quản trong kho, có vật che đậy cẩn thận nếu vật liệu vẫn được để ngoài kho.

- Hiệu quả mang lại khi thực hiện giải pháp :

- + Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, chất lượng sản phẩm được đảm bảo
- + Giảm thiểu sự hao hụt, mất mát
- + Tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm
- + Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn

3.4.2. Kiến nghị 2:

Nâng cao công tác kế toán hạch toán sản phẩm hỏng .

- Mục tiêu của giải pháp : Quản lý chặt chẽ việc hạch toán sản phẩm hỏng, giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- Cách thức tiến hành :

Trong quá trình sản xuất không thể tránh khỏi việc sản xuất ra sản phẩm hỏng, dù ít hay nhiều thì những sản phẩm này cũng đã gánh chịu chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ. Nếu giá trị sản phẩm hỏng nằm trong định mức thì toàn bộ chi phí này được tính cho sản phẩm hoàn thành. Nếu giá trị sản phẩm hỏng nằm ngoài định mức thì phải loại bỏ phần chi phí cho sản phẩm hỏng (CH) khỏi giá thành sản phẩm hoàn thành.

Phần chi phí sản xuất sản phẩm hỏng được hạch toán như sau:

Nợ TK 1388 (nếu tìm ra nguyên nhân, quy trách nhiệm bồi thường)

Nợ TK 811 (nếu tính vào chi phí khác)

Nợ TK 152, 111... (giá trị phế liệu thu hồi)

Có TK 154

Cần xem xét nguyên nhân rõ ràng để có biện pháp xử lý thích hợp và quy trách nhiệm bồi thường đồng thời từ đó có thể xác định nguyên nhân gây hỏng một cách chính xác để có biện pháp khắc phục và xử lý kịp thời.

- Hiệu quả mang lại khi thực hiện giải pháp :

+ Giảm số lượng vật tư gây lãng phí

+ Giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm

+ Đánh giá được chất lượng sản phẩm qua việc so sánh lượng sản phẩm hỏng của từng tháng.

3.4.3. Kiến nghị 3:

Nâng cao công tác quản lý về TSCĐ

- Cách thức tiến hành :

Công ty cần nâng cao trách nhiệm cho công nhân trong việc giữ gìn, bảo vệ máy móc, có chính sách cụ thể trong việc quy trách nhiệm nếu có sự thiếu trách nhiệm gây ra hỏng TSCĐ, bảo dưỡng máy móc, sửa chữa kịp thời nếu có hỏng hóc

để không ảnh hưởng đến tiến độ làm việc của công nhân và ảnh hưởng đến thời gian hoàn thành sản phẩm.

- Hiệu quả mang lại khi thực hiện giải pháp :
- + Tiết kiệm nguyên vật liệu và nhân công trong quá trình sử dụng máy.
- + Nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ, giảm chi phí.
- + Đảm bảo thời gian sản xuất, giao hàng, nâng cao uy tín của công ty

3.4.4. Kiến nghị 4:

Nâng cao ý thức trong việc sắp xếp trình tự tính khấu hao TSCĐ

- Mục tiêu của giải pháp : quản lý TSCĐ một cách chính xác, hiệu quả nhất, giảm thời gian và công sức trong việc kiểm tra đối chiếu chứng từ, sổ sách.
- Cách thức tiến hành : nâng cao ý thức cho kế toán trong việc sắp xếp trình tự tính và phân bổ khấu hao TSCĐ theo đúng thời gian tăng, giảm TSCĐ.
- Hiệu quả mang lại khi thực hiện giải pháp :
- + Hiểu rõ tình hình sử dụng TSCĐ
- + Tạo thuận lợi cho việc tập hợp số liệu về TSCĐ
- + Giảm chi phí

3.4.5. Kiến nghị 5:

Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung cho từng phân xưởng : ống đen, ống mạ.

- Mục tiêu của giải pháp : quản lý chính xác hơn các chi phí phát sinh, kịp thời xác định vấn đề phát sinh để có hướng xử lý chi tiết đến từng phân xưởng.
- Cách thức tiến hành : kế toán nên tiến hành ghi chép số liệu kế toán theo đúng các tài khoản chi tiết cho từng khoản mục chi phí của từng phân xưởng mà phần mềm đã mở : 6271 và 6272

Ví dụ : ngày 31/12 chi phí bốc dỡ 2.000 kg thành phẩm ống mạ 0,6 ly là : 1.050.000 VNĐ và 2.000 kg thành phẩm ống đen 0,6 ly là : 1.050.000 VNĐ

Kế toán nên hạch toán : Nợ TK 6271 : 1.050.000

Nợ TK 6272 : 1.050.000

Có TK 331 : 2.100.000

- Hiệu quả mang lại khi thực hiện giải pháp :
- + Xác định chi phí và tính giá thành từng sản phẩm chính xác hơn.
- + Nắm bắt được chi phí chính xác của từng phân xưởng, có quyết định đúng đắn trong việc lập kế hoạch và xây dựng định mức chi phí.

3.4.6. Kiến nghị 6:

Phân loại chi phí theo khối lượng hoạt động

Theo em, công ty ngoài việc phân loại chi phí sản xuất theo nội dung kinh tế và mục đích công dụng, công ty nên phân loại chi phí sản xuất theo khối lượng hoạt động thành biến phí, định phí và chi phí hỗn hợp. Việc phân loại như vậy có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thiết kế mô hình chi phí trong mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng, lợi nhuận, xác định điểm hòa vốn cũng như ra các quyết định kinh doanh quan trọng một cách nhanh chóng như: dự tính số lãi đạt được, quyết định tiếp tục hay đình chỉ sản xuất, quyết định nhận hay từ chối đơn đặt hàng... Mặt khác cũng giúp công ty xác định được phần định phí sản xuất tính vào phí tổn (TK 632) nếu máy móc thiết bị hoạt động dưới mức công suất thiết kế.

3.5. ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ÓNG THÉP VIỆT NAM:

3.5.1. Về phía Nhà nước :

Tiếp tục nghiên cứu nhằm hoàn thiện chế độ tài chính nói chung và chế độ kế toán nói riêng trên nguyên tắc tuân theo các chuẩn mực kế toán quốc tế và phù hợp với các nguyên tắc, thông lệ có tính phổ biến của kế toán các nước có nền kinh tế phát triển.

Xây dựng và hoàn thiện các thông tư hướng dẫn cụ thể về các thay đổi trong chế độ, chính sách kế toán đến doanh nghiệp một cách nhanh chóng nhất tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện tuân thủ theo quy định.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp :

Phải thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ cho nhân viên kế toán để có thể kịp thời thay đổi tổ chức hạch toán kế toán tại đơn vị mình phù hợp với chế độ kế toán. Đây là một trong những điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế, đưa Việt Nam hội nhập với thế giới.

Ban lãnh đạo doanh nghiệp phải có sự quan tâm đúng mực và quản lý một cách chặt chẽ nhằm thực hiện xây dựng công tác tổ chức sản xuất sao cho phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm một cách tốt nhất.

KẾT LUẬN

Trong các doanh nghiệp sản xuất giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và tăng lợi nhuận luôn là mục tiêu hàng đầu. Bởi vậy doanh nghiệp tìm mọi biện pháp để phân đầu tiết kiệm nguyên vật liệu, lao động, các chi phí khác cùng với việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm.

Khoá luận “Hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Ống thép Việt Nam” đã phần nào nêu được một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH Ống thép Việt Nam nói riêng và các doanh nghiệp sản xuất nói chung.

Khoá luận đã đề cập đến những vấn đề sau :

- + Về mặt lý luận : nêu ra một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản về chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm và tổ chức hạch toán kế toán chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

- + Về thực tiễn : phản ánh khách quan, trung thực tình hình kế toán chi phí, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của Công ty TNHH Ống thép Việt Nam với số liệu của năm 2010 chứng minh cho những lập luận đã đưa ra.

- + Về kiến nghị hoàn thiện : khoá luận đã đối chiếu lý luận và thực tiễn tại doanh nghiệp và đề xuất kiến nghị trên các mặt : bảo quản nguyên vật liệu trực tiếp, hạch toán sản phẩm hỏng ngoài định mức, quản lý và hạch toán về TSCĐ, kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung cho từng phân xưởng, áp dụng kế toán quản trị vào việc phân tích các thông tin. Các kiến nghị nêu ra tuy chưa thoát khỏi màu sắc lý luận nhưng đều xuất phát từ thực tế của Công ty TNHH Ống thép Việt Nam nên có cơ sở và đáng được tham khảo cho doanh nghiệp.

Mặc dù đã cố gắng rất nhiều nhưng do thời gian thực tập và trình độ có hạn nên bài viết không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự quan tâm góp ý của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện và mang tính ứng dụng cao trong thực tế.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên
Nguyễn Thị Minh Thái

CHƯƠNG I	3
LÝ LUẬN CHUNG VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT, GIÁ THÀNH SẢN PHẨM VÀ KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT, TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	3
1.1.CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	3
1.1.1.Chi phí sản xuất	3
1.1.1.1.Khái niệm và bản chất.....	3
1.1.1.2.Phân loại chi phí sản xuất.....	4
1.1.2.Giá thành sản phẩm	6
1.1.2.1.Khái niệm và bản chất :.....	6
1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm:.....	6
1.1.3.Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	7
1.1.4.Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	9
1.2.NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	10
1.2.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất	11
1.2.1.1.Đối tượng tập hợp chi phí	11
1.2.1.2.Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất	11
1.2.1.3. Trình tự kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	12
1.2.1.4. Trình tự kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	14
1.2.1.5. Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung.....	15
1.2.1.6. Đánh giá sản phẩm dở dang	18
1.2.2.Kế toán tính giá thành sản phẩm	21
1.2.2.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm	21
1.2.2.2.Kỳ tính giá thành sản phẩm	22
1.2.2.3.Phương pháp tính giá thành	24
1.2.2.4.Hệ thống sổ kế toán sử dụng	29
1.3.HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG KẾ TOÁN MÁY :.....	29

CHƯƠNG II.....	32
TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN	32
TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ÓNG THÉP VIỆT NAM.....	32
2.1.TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH ÓNG THÉP VIỆT NAM.....	32
<i>2.1.1.Lịch sử hình thành và phát triển.....</i>	<i>32</i>
<i>2.1.2.Đặc điểm sản phẩm và quy trình công nghệ.....</i>	<i>34</i>
2.1.2.1. Đặc điểm sản phẩm	34
2.1.2.2. Quy trình công nghệ.....	35
2.1.2.3.Thị trường tiêu thụ	36
<i>2.1.3.Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý.....</i>	<i>38</i>
<i>2.1.4.Đặc điểm tổ chức công tác kế toán và hình thức kế toán</i>	<i>40</i>
2.1.4.1.Chức năng nhiệm vụ của phòng kế toán	40
2.1.4.2.Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán	41
2.1.4.3. Đặc điểm chế độ kế toán áp dụng	42
2.2.TỔ CHỨC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ÓNG THÉP VIỆT NAM	45
<i>2.2.1.Kế toán tập hợp chi phí sản xuất sản phẩm.....</i>	<i>45</i>
2.2.1.1. Đặc điểm chi phí sản xuất	45
2.2.1.2. Phân loại chi phí sản xuất	45
2.2.1.3.Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất.....	47
2.2.1.4. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất	47
2.2.1.5.Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	48
2.2.1.6. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	56
2.2.1.7. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung.....	66
<i>2.2.2. Tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp và tính giá thành sản phẩm</i>	<i>79</i>
2.2.2.1.Tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp	79
2.2.2.2.Công tác tính giá thành sản phẩm	83

CHƯƠNG III.....	86
MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ỨNG THÉP VIỆT NAM	86
3.1.ĐÁNH GIÁ VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT, TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ỨNG THÉP VIỆT NAM :	86
3.1.1. <i>Ưu điểm</i>	87
3.1.2. <i>Một số tồn tại</i>	89
3.1.2.1.Công tác bảo quản nguyên vật liệu trực tiếp	89
3.1.2.2.Công tác quản lý sản phẩm hỏng	89
3.1.2.3.Công tác sử dụng TSCĐ	89
3.1.2.4.Về trình tự tính khấu hao TSCĐ	90
3.1.2.5.Chi phí sản xuất chung	90
3.1.2.6.Về việc phân loại chi phí	91
3.2.TÍNH TẤT YẾU PHẢI HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ỨNG THÉP VIỆT NAM.....	91
3.3.YÊU CẦU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ỨNG THÉP VIỆT NAM :	92
3.4.NỘI DUNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH ỨNG THÉP VIỆT NAM:	93
3.4.1. <i>Kiến nghị 1</i>	93
3.4.2. <i>Kiến nghị 2</i>	93
3.4.3. <i>Kiến nghị 3</i>	94
3.4.4. <i>Kiến nghị 4</i>	95
3.4.5. <i>Kiến nghị 5</i>	95

3.4.6. Kiến nghị 6.....	96
3.5.ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	96
3.5.1.Về phía Nhà nước	96
3.5.2.Về phía doanh nghiệp	96